



THÔNG TIN

Khoa học & Công nghệ

Bản tin
Số 01-2012 (75)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG - 35 TRẦN HƯNG ĐẠO - ĐÀ LẠT - ĐT: 063.3821377

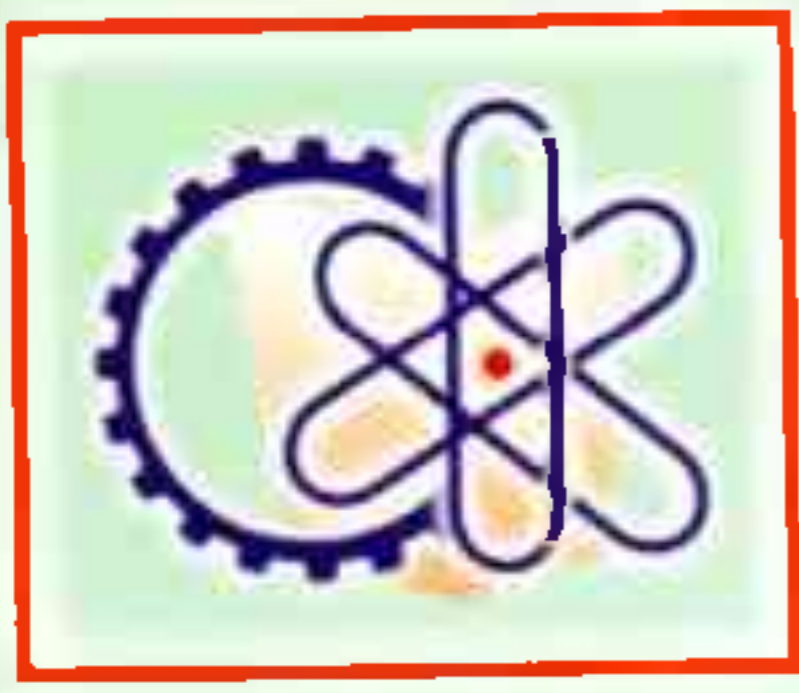
hoadalat

Chúc mừng năm mới!
XUÂN NHÂM THÌN

ĐÀ LẠT



Cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận "Hoa Đà Lạt"



Thông tin

Khoa học & công nghệ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Số 01.2012

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN MINH TÂM

Biên tập:

NGÔ ĐÌNH VĂN CHÂU

HUỲNH THANH MAI

NGUYỄN THANH NHÀN

Trình bày:

NGUYỄN HỮU THANH TUỆ

TRONG SỐ NÀY

- 1 **Lê Xuân Thám** - Công nghệ sinh học - Thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp ở Đà Lạt - Lâm Đồng
- 6 **Ngọc Lý Hiến** - Quản lý nhà nước về lễ hội - Bài học từ thực tiễn ở Lâm Đồng
- 9 **Nguyễn Viết Vân** - Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng
- 11 **Dương Hiền** - Nguồn nhân lực du lịch Lâm Đồng - Thực trạng, định hướng và giải pháp
- 13 **Nguyễn Minh Tâm** - Đo lường và các giải pháp nâng cao năng suất
- 15 **Lê Xuân Phúc** - Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng năm 2011 và phương hướng hoạt động năm 2012
- 17 **Ngô Đình Văn Châu** - Rừng Việt Nam
- 18 **Nguyễn Thọ Biên** - Những cây rau rừng - Chữa bệnh mất trí nhớ
- 20 **Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn hiện nay**
- 23 **Đoàn Hữu Ngạn** - Đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- 25 **Võ Khiếm** - Đổi mới tổ chức và hoạt động tại Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng
- 27 **Lê Đức Thọ** - Hoạt động thanh tra phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2011
- 28 **Danh mục đề tài/dự án đã nghiệm thu và được chuyển giao, sử dụng năm 2011**
- 30 **Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng năm 2012**
- 32 **Tin hoạt động Khoa học và Công nghệ**



Giấy phép xuất bản số 14/GPXB-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Lâm Đồng cấp ngày 27.12.2011.

Sắp chữ tại Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng. In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt. Số lượng: 700 bản. Khổ 19cm x 27cm. In xong và nộp lưu chiểu tháng 01.2012

CÔNG NGHỆ SINH HỌC - THỂ MẠNH TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở ĐÀ LẠT - LÂM ĐỒNG

PGS.TS LÊ XUÂN THÁM
Phó Giám đốc Sở KH&CN Lâm Đồng

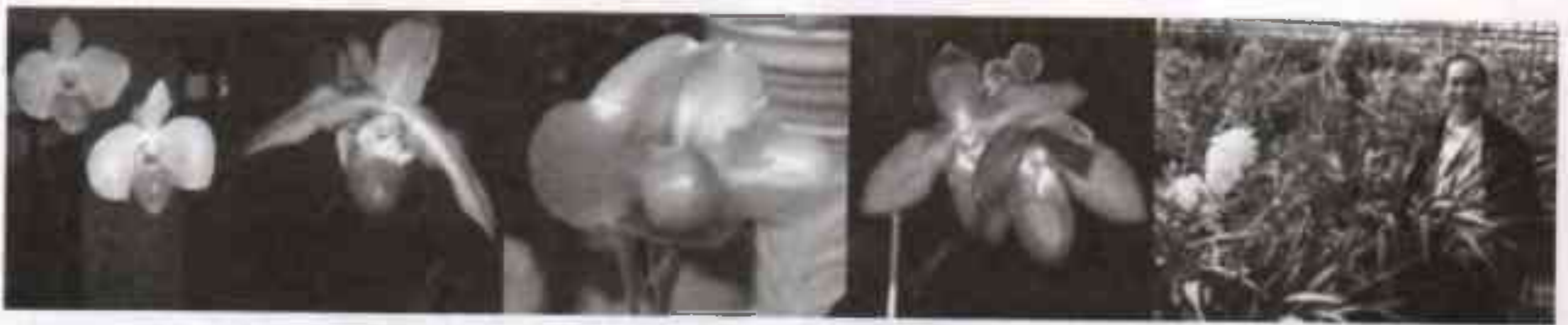
Chương trình Công nghệ sinh học của Chính phủ thể hiện chiến lược phát triển bền vững đang được triển khai trong cả nước. Tại Đà Lạt - Lâm Đồng, công nghệ sinh học với sự đóng góp tích cực của hầu hết các trường đại học, cao đẳng, các trung tâm nông, lâm nghiệp và đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực sinh học - nông nghiệp - y tế đã góp phần tích cực tạo nên nhiều thành tựu về nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh, từng bước tiếp cận khai thác nguồn tài nguyên đa dạng sinh học. Sản phẩm trong lĩnh vực này rất đa dạng như: hoa - lan, cây dược liệu, cây rừng,...; chăn nuôi đại gia súc, cá đặc sản, động vật hoang dã, bán chăn thả,...; sản xuất chế biến dược liệu, sản xuất vaccines, thực phẩm chức năng,... với đội ngũ chuyên gia khá đông đảo (> 100 giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ và hàng trăm cán bộ khoa học kỹ thuật) ở các lĩnh vực sinh học, nông lâm nghiệp và y tế. Đây chính là một trong những yếu tố tạo nên thể mạnh về công nghệ sinh học của Đà Lạt - Lâm Đồng.

Với ưu thế về khí hậu và với lực lượng khoa học và công nghệ (KH&CN) có tính kế thừa liên tục sẽ đảm bảo một thời kỳ tăng tốc và tích hợp, là tiền đề cho công nghệ và công nghiệp sinh học ở Đà Lạt - Lâm Đồng phát triển. Các công nghệ mới có tính triển khai công nghiệp như: công nghệ thủy canh, công nghệ giá thể tổng hợp, công nghệ tự động hóa điều tiết chiếu sáng và dinh dưỡng, công nghệ chẩn đoán xét nghiệm phân tử (ELISA, PCR, Sequencing,...), công nghệ gây tạo đột biến, công nghệ chuyên gene,... đang được triển khai tại nhiều cơ sở nghiên

cứu khoa học trong tỉnh cho phép tạo ra hàng loạt sản phẩm mới từ ưu thế đa dạng sinh học của tỉnh và các nguồn giống ngoại nhập, thể hiện trên một số hướng chính có thể nêu sau đây:

Công nghệ sinh học và đa dạng thực, động vật

Về thực chất lĩnh vực này ở Lâm Đồng tuy nổi bật là sự phát triển ứng dụng các công nghệ nuôi cấy *In vitro* mô - tế bào, tạo phôi thực vật trên nhiều nhóm cây trồng đa dạng, mặc dù hầu như chưa tạo được bản quyền giống mới.



Ảnh 1. Công nghệ hoa Địa lan Cymbidium Dalat và đa dạng các loài Lan Hải Paphiopedilum

(Nguồn: Sở KH&CN)

Hiện nay tại Đà Lạt đang tiếp tục triển khai có kết quả công nghệ lai tạo kinh điển và chọn lọc dòng các giống hoa quý: cúc, đồng tiền, cẩm chướng,... có giá trị thương mại cao. Tuy nhiên xuất xứ và bản quyền giống còn là thách thức. Có thể nói công nghệ sinh học rau - hoa Đà Lạt, Lâm Đồng với nguồn giống đa dạng, là sự đóng góp tích cực của kỹ thuật nuôi cấy *in vitro* ứng dụng - mang lại hiệu quả cao trong bảo tồn và phát triển các nguồn gene quý hiếm, đồng thời tăng hiệu

quả kinh tế lên hàng trăm, thậm chí hàng tỷ đồng/ha.

Ngoài ra, Đà Lạt hiện còn đang đi đầu trong việc nâng cao công nghệ *in vitro*, chuyển đổi hệ thống chiếu sáng dùng đèn LED, tiết kiệm tối đa điện năng và tạo phổ chiếu sáng phù hợp cho cây trồng. Đi tiên phong là Viện Nghiên cứu hạt nhân với công nghệ sinh học thực vật kết hợp kỹ thuật hạt nhân: nuôi cấy và chiếu xạ khoai tây, dâu tằm, hoa cúc,...; bảo tồn đông lạnh các nguồn gene thực vật:

chuối, mía, khoai sọ; gây tạo, chọn lọc nhiều đột biến ngay trong hệ nuôi cấy *in vitro* với cây hoa “Forget me not”,... Bên cạnh đó còn có Viện Sinh học Tây Nguyên, Đại học Đà Lạt, Trung tâm nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa, Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm nông nghiệp, và đặc biệt có khá nhiều doanh nghiệp đã đầu tư nghiên cứu và đạt được

nhiều kết quả trong nuôi cấy các loài hoa: cúc, lily, salem, hồng môn, cát tường, hoa hồng; đạt được kết quả mới về công nghệ sinh khối sâm K5 *Panax vietnamensis*, thông đỏ *Taxus wallichiana*; công nghệ phôi vô tính các loài Hồ điệp (*Phalaenopsis* spp.),... mở ra hướng công nghệ tạo giống chủ động và sinh khối chất lượng cao.



Ảnh 2. Mô phôi vô tính Lan Hồ điệp, Sâm K5 In vitro, Thông đỏ, thông 5 lá và rau cần rừng, bách xanh, chọn đột biến hoa “Forget me not” và nhân cây chuối Laba, lá bép *Gnemon gnetum* In vitro và Thông 2 lá dẹt, Thông lông gà, vù hương ở Đà Lạt

(Nguồn: TS. Nguyễn Tiến Thịnh, TS. Dương Tấn Nhật, TS. Vương Chí Hùng, TS. Nguyễn Thành Mến)

Với công nghệ *in vitro*, các loài Lan rừng Cát Tiên – Bidoup – Núi Bà ở Lâm Đồng đã được sưu tập và bảo tồn nguồn gene (> 200 loài), trong đó có hàng chục loài quý hiếm (theo danh mục điều tra thì có thể tới > 400 loài), và đặc biệt từng bước đưa công nghệ nuôi cấy mô hiện đại với các hệ thống Bioreactor kết hợp lai tạo cô điển vào thực tiễn nhân chọn giống. Đây là hướng chiến lược phát triển trong tương lai, nhằm tạo nên khả năng cạnh tranh, gây dựng bản quyền và thương hiệu, đồng thời tạo nên những nét văn hóa cho chất lượng du lịch địa phương.

Thời gian qua, với sự gia tăng hàng chục doanh nghiệp vừa và nhỏ về công nghệ thực vật, mang lại hiệu quả kinh tế rất lớn như: Công ty CP Công nghệ sinh học Rừng Hoa Đà Lạt, Lang biang Farm, Công ty TNHH hoa Lan Thanh Quang, Phương Mai, Báo Đáp,... cho thấy công nghệ sinh học đã là hướng đi đúng cho sự phát triển bền vững của Đà Lạt – Lâm Đồng. Các nhóm cây trồng hiện dẫn đầu cả nước như trà, cà phê, rau, hoa, dâu

tằm, khoai tây đang trở thành sản phẩm quốc gia, có nhãn hiệu chứng nhận và có sức cạnh tranh ngày càng cao trên thị trường, đóng góp 80% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, tài nguyên genes quý của các nhóm vật nuôi và động vật hoang dã tại Lâm Đồng khá phong phú: bò rừng, bò tót, nai, kỳ đà, nhím, dúi,... Nhóm giống heo của đồng bào dân tộc thiểu số là nguồn vật liệu di truyền rất quý cho công nghệ lai tạo với heo rừng, hiện đang được triển khai ở nhiều mô hình trong tỉnh. Các công nghệ sinh sản vô tính, công nghệ phôi, lai tạo, chuyên ghép genes, tế bào sẽ tiếp cận rất hiệu quả với các nhóm đa dạng di truyền này.

Nhóm cá bản địa có giá trị đặc sản như: cá lăng nha, cá còm, cá trâu,... cùng với các nhóm nhập ngoại hết sức giá trị như: các hồi vân (*Onchorhynchus*), cá tầm (*Acipenser*) mặc dù còn cần tập trung cải tiến một số công nghệ, đặc biệt là công nghệ tái lọc tuần hoàn nước của Israel, nhưng đây là mô hình sản xuất kinh tế mang lại hiệu quả rất lớn (cho

phép đạt > 4 tỷ đ/ha mặt nước). Mô hình nuôi cá nước lạnh còn có thể kết hợp với ngành

du lịch, tạo nên những sản phẩm du lịch mới trong du lịch dã ngoại, du lịch sinh thái.



Ảnh 3. Cá Tâm Nga và cá Hồi vân nuôi công nghệ cao và sinh sản tại KlongKlanh, Lạc Dương, cá lăng, cá còm, Bò tót Cát tiên, kỳ đà, heo rừng lai tại Di Linh, Lâm Đồng

(Nguồn: Nguyễn Viết Thủy, Nguyễn Viết Phú)

Công nghệ sinh học - vi sinh ứng dụng trong nông nghiệp và y dược

Nghiên cứu vi sinh công nghiệp, đa dạng vi sinh đất nông nghiệp Lâm Đồng, nhất là nhóm *Azotobacter* spp. cố định đạm, phân giải nông dược,... Các công nghệ lên men sinh khối sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất BT (*Bacillus thuringiensis*), chế phẩm *Trichoderma* spp., ủ xạ khuẩn *Actinomyces*, *Streptomyces* spp.,... cũng đang được đầu tư các kỹ thuật cải tiến

mới. Về cơ bản các chủng bản địa được phân lập, tuyển chọn có hoạt lực cao – tiềm năng đa dạng vi sinh tại địa phương. Sản xuất cơ chất giá thể ươm cây, phân bón hữu cơ vi sinh, các nhóm vi sinh phân giải khoáng khó tan, vi sinh phân giải thuốc trừ sâu, điều tiết tối ưu phân khoáng, sản xuất an toàn,... góp phần khép kín sản xuất nông nghiệp, xử lý phế thải, rác đa tạp, với một số sản phẩm có thị trường ngày càng tăng.



Ảnh 4. Vi nấm *Trichoderma* spp., *Streptomyces* spp. được tách phân lập, lên men; sản xuất vaccines Polysaccharides

(Nguồn: ThS. Hoàng Hưng Tiến, PGS. Đào Xuân Vinh)

Lĩnh vực công nghệ vi sinh học y dược với những nghiên cứu vi sinh y học tại Đà Lạt đến nay đã triển khai các công nghệ sản xuất vaccine thể hệ I (truyền thống) và II (Polysaccharides) và nhiều sinh phẩm rất hiệu quả. Tuy nhiên việc xác định hướng phát triển công nghệ vi sinh đặc thù cho Lâm Đồng – Tây Nguyên còn cần phải có thời gian.

Công nghệ sinh học và tài nguyên nấm

Đa dạng sinh học nấm vùng Tây Nguyên có lẽ là lớn nhất Việt Nam (khoảng > 1.500 loài). Công nghệ nấm ký sinh côn trùng - Đông trùng hạ thảo tại Bảo Lộc đã bắt đầu triển khai công nghệ nuôi trên tầm từ năm 2007. Cần nhấn mạnh rằng các vùng rừng

Đà Lạt – Lâm Đồng, Tây Nguyên hàm chứa hàng trăm loài nấm côn trùng (Insect Fungi), có thể so sánh với khu hệ của Thái Lan (hơn

600 loài), trong đó nhiều loài có thể nuôi trồng thành Đông trùng hạ thảo – một loại dược phẩm quý.



Ảnh 5. Đông trùng hạ thảo *Cordyceps* spp. và *Paecilomyces tenuipes* nuôi trên nấm ở Bảo Lộc
(Nguồn: TS. Nguyễn Mậu Tuấn, TS. Trương Bình Nguyên, GS. Akira Suzuki & PGS.TS Lê Xuân Thám)

Công nghệ nấm Linh chi *Ganoderma lucidum* Dalat và các ứng dụng trị liệu các bệnh tim mạch đã đưa các mặt hàng trà Linh chi thuần khiết và kết hợp với artichaud, cỏ ngọt,... vào thương mại. Những nghiên cứu công nghệ cơ bản các loài Linh chi *Ganoderma* spp., Shiitake *Lentinula* spp. giải toàn bộ trình tự gene ribosome với các vùng đặc trưng (ITS và D) - đưa sinh học phân tử: công nghệ gene và phân tích cấu trúc DNA vào triển khai ứng dụng cho công nghệ sinh học và đa dạng sinh học tại Đà Lạt – Lâm Đồng trong giai đoạn tới. Đặc biệt, nấm thông *Tricholoma matsutake* cộng sinh với thông rừng Đà Lạt có giá trị lâm nghiệp lớn

đang được gây nhiễm có kết quả.

Với những ưu thế đó, cần xây dựng để Lâm Đồng, Tây Nguyên trở thành trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ nấm lớn nhất của cả nước (sẽ được triển khai tại Khu Công nghệ sinh học và Nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao Đà Lạt). Công nghệ nấm đang từng bước “trở lại” với thế mạnh của Lâm Đồng, với hàng chục doanh nghiệp mới hình thành ở Đà Lạt và Đức Trọng, Đơn Dương, Bảo Lộc, với quy mô nuôi trồng hương công nghiệp (1-15 ha/cơ sở), do nhà đầu tư, người sản xuất và nhà khoa học, chuyên gia Việt Nam khởi dựng, có khả năng điều hòa nguồn nấm Trung Quốc đang tràn vào thị trường nước ta.



Ảnh 6. Nấm Bào ngư, Shiitake, Matsutake cộng sinh trên thông non, Bunashimeji, nấm Thái dương và nấm Linh chi đa dạng ở Lâm Đồng

(Nguồn: PGS. Lê Xuân Thám & TS. Trương Bình Nguyên)

Công nghệ sinh học kết hợp kỹ thuật hạt nhân

Vấn đề này đang được triển khai ở Viện Nghiên cứu hạt nhân, mang lại nhiều thành công trong chọn tạo giống nông nghiệp, tạo ra các giống lúa cao sản với chất lượng cao,

gây tạo và chọn giống hoa Lan *Cymbidium* và *Paphiopedilum* spp., *Phalaenopsis* spp.,... đột biến là cơ sở công nghệ sinh học cho chọn tạo giống hoa - lan tại Đà Lạt, Lâm Đồng, đang được triển khai có kết quả.

Công nghệ xử lý vi sinh bằng bức xạ trong

bảo quản lương thực, thực phẩm, tiết trùng vật tư, vật phẩm y dược cũng được quan tâm nghiên cứu. Hiện dự án Trung tâm Chiếu xạ Bảo Lộc đang được các doanh nghiệp tham gia lập luận chứng kinh tế kỹ thuật và góp

vốn đầu tư, mở ra hướng phát triển ứng dụng công nghệ hạt nhân với quy mô công nghiệp, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả vùng Tây Nguyên.



Ảnh 7. TS. Đỗ Khắc Thịnh với Giải thưởng Nhà nước về giống lúa đột biến và các giống phức hợp chất lượng (lưu ý dạng đột biến hạt dài,

Nguồn: Hồ Quang Cua & Lê Xuân Thám)

Hướng phát triển công nghệ sinh học tại Lâm Đồng đến năm 2020

Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNSH phục vụ nền sản xuất công nghệ cao và bền vững của tỉnh trên cơ sở phát huy thế mạnh tổng hợp của các công nghệ truyền thống và hiện đại là phương hướng trong giai đoạn tới, nhằm đạt được những mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Phát triển ứng dụng CNSH trên nền tảng đa dạng sinh học, phục vụ nền sản xuất nông nghiệp công nghệ cao nhằm trước hết cải tạo và nâng cao chất lượng, sản lượng giống cây trồng (tập trung cho trà, cà phê, rau, hoa – lan, cây rừng, cây dược liệu,...), vật nuôi (chú trọng đàn bò sữa, bò thịt, cá nước lạnh). Bảo vệ, khai thác và phát huy tài nguyên đa dạng sinh học đặc thù (với 2 vườn quốc gia và diện tích rừng đạt độ che phủ ~62%, tuy rằng chất lượng rừng hiện đang giảm sút nghiêm trọng), bảo vệ môi trường quý giá của Lâm Đồng và góp phần đẩy mạnh du lịch bền vững sinh thái, trong mối tương quan an ninh năng lượng và an toàn dịch bệnh.

2. Tăng cường các chương trình ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong nông nghiệp, đặc biệt phát triển công nghệ bức xạ cho sản phẩm sau thu hoạch và áp dụng đồng vị, tập trung cho

các hướng gây tạo đột biến phóng xạ và chọn giống hiện đại; xử lý chiếu xạ bảo quản, khử trùng và chế biến nông sản và các sản phẩm có lợi thế so sánh, tối ưu hóa nền dinh dưỡng và bảo vệ môi trường đất canh tác và sinh thái đặc thù ở Lâm Đồng. Trên cơ sở đó, phát triển ứng dụng các công nghệ canh tác, chăn nuôi mới, hiện đại, thân thiện, tiết kiệm năng lượng, nước, phân bón và đất trồng, hạn chế và xử lý ô nhiễm môi trường.

3. Tiếp cận, tiếp thu và chọn lọc có tính chất đón đầu những công nghệ hiện đại và có tầm chiến lược về sinh học phân tử: công nghệ gene và sinh vật chuyên gene hướng tới sản xuất công nghiệp các sản phẩm nông nghiệp, y dược, năng lượng sinh học và vật liệu mới trên nền đa dạng sinh học và khai thác ứng dụng kỹ thuật nano và kỹ thuật hạt nhân kết hợp.

Tập trung ưu tiên hỗ trợ cho doanh nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn đột phá tăng tốc của tỉnh, tạo ra các sản phẩm mới trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, góp phần đưa thu nhập lên > 100 triệu đ/ha vào năm 2015 và >150 triệu đ/ha vào năm 2020 (tập trung cho công nghệ chế biến), có khả năng cạnh tranh trên cơ sở ưu thế so sánh của Lâm Đồng. ■

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LỄ HỘI - BÀI HỌC TỪ THỰC TIỄN Ở LÂM ĐỒNG

NGỌC LÝ HIỀN

Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lâm Đồng

Hiện nay, việc tổ chức lễ hội – hay chính xác hơn là khôi phục lại những lễ hội truyền thống - của các dân tộc Việt Nam đang trở thành một hiện tượng văn hóa – xã hội nổi trội. Thực tế đó cho thấy nhu cầu về sinh hoạt văn hóa nói chung, sinh hoạt văn hóa tâm linh nói riêng đang phát huy khá mạnh mẽ trong môi trường văn hóa mới.

Từ khái niệm...

Từ điển Tiếng Việt giải nghĩa: *Lễ hội (danh từ) là cuộc vui tổ chức chung có các hoạt động lễ nghi mang tính truyền thống.*

Đối với các nhà nghiên cứu văn hóa, lễ hội là một phạm trù gồm nội hàm và ngoại diên vừa tập hợp tất cả những thuộc tính của đối tượng, vừa bao hàm tất cả các đối tượng có các thuộc tính chung được phản ánh.

Thực chất, lễ hội nhằm chỉ những sinh hoạt văn hóa vào những thời điểm nhất định của con người, của một cộng đồng cư trú. Khái niệm của M. Bakhtin có thể giúp nhận diện đầy đủ nhất lễ hội: *“Lễ hội là cuộc sống được tái hiện dưới hình thức tế lễ và trò diễn, đó là cuộc sống lao động, chiến đấu của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, bản thân cuộc sống không thể trở thành lễ hội được nếu như chính nó không được thăng hoa, liên kết và quy tụ lại thành thế giới của tâm linh, tư tưởng của các biểu tượng vượt lên trên thế giới của phương tiện và điều kiện tất yếu; đó là thế giới, là cuộc sống thứ hai thoát ly tạm thời thực tại, đạt tới hiện thực lý tưởng mà ở đó, mọi thứ đều trở nên đẹp đẽ, lung linh, siêu việt và cao cả...”. Đây là khái niệm khá toàn diện phản ánh đầy đủ nguồn gốc, thuộc tính và đặc trưng của lễ hội mà chúng tôi sẽ bàn cụ thể ở những phần tiếp theo.*

Những nghiên cứu của các nhà nhân học văn hóa, xã hội học và văn hóa học trong và ngoài nước phổ biến quan niệm: Lễ hội là

hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng, thường được tổ chức theo những khuôn mẫu nhất định (mùa, năm,...) nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người.

Cách hiểu phổ quát trên dẫn đến sự phân chia cấu trúc lễ hội thành hai phần: phần *lễ* chủ yếu diễn ra các nghi thức, các hành động nhằm đánh dấu, hoặc kỷ niệm một sự việc có ý nghĩa nào đó; phần *hội* là những sinh hoạt văn hóa cộng đồng mang tính vui chơi, giải trí. Sự loại biệt này có phần khiên cưỡng, là sản phẩm của thao tác nghiên cứu chuyên ngành. Thực tế cho thấy, nghi thức – *lễ* - là một yếu tố thuộc tính của bất kỳ lễ hội nào; đồng thời cũng là nguyên tắc chi phối, quy định những sinh hoạt văn hóa khác diễn ra xung quanh các nghi thức. Mặt khác, các thành phần văn hóa, sinh hoạt văn hóa được loại biệt là *hội* đều nhằm đến những ý nghĩa có nguyên nhân trực tiếp từ nghi thức. Hơn nữa, việc các nhà nghiên cứu dùng một từ ghép gồm *lễ* và *hội* đã dẫn đến sự loại biệt có phần máy móc. Ở các cộng đồng dân cư, hình thức văn hóa được các nhà nghiên cứu vẫn gọi là *lễ hội* luôn tồn tại khái niệm của chính cộng đồng đó. *Khái niệm* này chỉ ra rằng, *lễ* và *hội* mà các nhà nghiên cứu nói tới chính là những biểu hiện khác nhau của cùng một trạng thái văn hóa dân gian. Ở người Việt, minh chứng dân gian đã có từ rất lâu đời: Hội Chùa Hương, Hội Gióng, Hội Phú Giày, Hội Lim,...; Tương tự ở người Mạ, Cơ Ho, Chu Ru: Nhô brê r'he (uống mang gốc rạ), Nhò lir bong (uống dậu/làm kín bờ lúa), M'nhum dung (uống – với - cây nghi lễ *dung*),...

Đến thực tiễn bảo tồn lễ hội ở Lâm Đồng

Ở Lâm Đồng, trong những năm gần đây, cùng với sự khởi sắc về kinh tế - xã hội, đời sống văn hóa nói chung và sinh hoạt lễ hội nói riêng cũng không ngừng phát triển. Đó là việc các cộng đồng dân cư khôi phục lại hoặc tổ

chức thường xuyên hơn các lễ hội dân gian, lễ hội tôn giáo (hay mang màu sắc tôn giáo). Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến công tác bảo tồn lễ hội dân gian của đồng bào thiểu số bản địa Lâm Đồng từ kinh nghiệm thực tiễn quản lý nhà nước tại địa phương.

Chỉ chiếm hơn 17% dân số toàn tỉnh nhưng bộ phận dân cư là người Mạ, người Cơ Ho và người Chu Ru đã góp phần quan trọng vào việc tạo nên bản sắc văn hóa cho vùng đất Nam Tây Nguyên. Nhiều địa danh nổi tiếng cả trong và ngoài nước ở Lâm Đồng gắn liền với những nét văn hóa đặc trưng của chính các cộng đồng bản địa đó. Chẳng hạn, Đà Lạt (*Dà Lành*) vốn là tên của một cộng đồng địa phương - nhóm tộc - người Cơ Ho sống trên cao nguyên Langbiang; B' Lao (Bảo Lộc ngày nay) vốn là một tên buôn - một cộng đồng huyết thống - của người Mạ, ... Nguồn gốc của nhiều tên núi tên sông, tên thác, tên ghềnh đều tìm được câu trả lời từ những câu chuyện mang màu sắc huyền thoại, được xây dựng nên bởi tư duy huyền thoại của người Mạ, người Cơ Ho hay người Chu Ru.

Lễ hội truyền thống của người Mạ, Cơ Ho và Chu Ru ở Lâm Đồng là một thành phần quan trọng của văn hóa truyền thống bản địa. Xuất hiện trong khá nhiều công trình dân tộc học, những ghi chép thám hiểm của người Pháp từ những năm đầu thế kỷ XX, kể cả các công trình dân tộc học từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, lễ hội truyền thống các dân tộc bản địa Lâm Đồng đã được nhìn nhận, ghi nhận làm nổi bật những nét đặc trưng cơ bản về hình thái. Chính những giá trị văn hóa lễ hội góp phần quan trọng làm nên bản sắc của văn hóa cộng đồng các dân tộc bản địa Lâm Đồng.

Tuy nhiên, trong một thời gian khá dài - khoảng từ năm 1977 đến năm 1997 - lễ hội của người Mạ, người Cơ Ho và người Chu Ru không còn được duy trì thường xuyên và liên tục. Hai nguyên nhân chính dẫn đến sự thay đổi nhanh chóng đó là:

Thứ nhất, sự thay đổi về tín ngưỡng, chuyển biến nhận thức, thị hiếu thẩm mỹ, tư duy thẩm mỹ của lớp người kế cận.

Thứ hai, sự thay đổi phương thức canh tác và cơ cấu cây trồng vật nuôi.

Thời gian này, văn hóa truyền thống của các tộc người bản địa Lâm Đồng trải qua quá trình tiếp biến mạnh mẽ. Song song với sự tiếp biến ấy là sự tiếp nhận các giá trị văn hóa hiện đại do giao lưu văn hóa với các dân tộc khác - nhất là người Việt (Kinh) - di cư đến Lâm Đồng với số lượng ngày càng lớn. *Lãnh địa* của những cộng đồng huyết thống (bon và plêi) của cư dân bản địa Lâm Đồng không còn độc lập (một cách tương đối) như trước nữa; họ, hoặc sống cận cư, hoặc sống xen cư với người Việt. Buôn (bon - đôi với người Mạ và Cơ Ho), làng (plêi - đôi với người Chu Ru) là đơn vị tổ chức xã hội truyền thống không còn được duy trì nguyên vẹn. Nhiều cuộc chuyển cư nhằm định canh, định cư đã diễn ra trong thời gian này tác động mạnh mẽ đến môi trường văn hóa truyền thống của các buôn, làng cư dân địa phương,...

Ở lĩnh vực văn hóa phi vật thể, từ năm 1977 đến năm 1997 tỉ lệ đồng bào là người Mạ, người Cơ Ho và người Chu Ru theo các tín ngưỡng mới như Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Phật giáo không ngừng gia tăng. Sự thay đổi về mặt đức tin có ảnh hưởng lớn đến hàng loạt các thành tố văn hóa phi vật thể khác mà lễ hội là đối tượng trực tiếp nhất. Chức năng cơ bản lễ hội truyền thống của các tộc người bản địa Lâm Đồng là sự thực hành tín ngưỡng đa thần đã không còn được duy trì nguyên vẹn. Vì thế, ở nhiều cộng đồng dân cư là người Mạ, người Cơ Ho và người Chu Ru lễ hội đã mai một nhanh chóng.

Một khía cạnh khá tế nhị khác, nguyên nhân làm mai một lễ hội là *cái nhìn ngoại giới* của không ít người cho lễ hội truyền thống của cư dân bản địa là những hoạt động mê tín, gây tốn kém vật chất cho gia đình, cộng đồng, buôn làng. Bản chất văn hoá của lễ hội không được nhận diện một cách chính xác, vô hình chung làm thay đổi nhận thức - vốn ở trình độ không cao - của cư dân bản địa đối với chính di sản văn hoá của dân tộc mình.

Sau năm 1997, khi đời sống kinh tế của phần lớn các vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng đã đi vào ổn định, nhất là từ khi có Nghị

quyết Trung ương 5 (Khoá VIII, năm 1998) của Đảng về “xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; lễ hội truyền thống của cư dân bản địa Lâm Đồng thực sự có những bước chuyển mình. Những chuyển biến đó đến từ hai phía: một mặt là đến từ nhận thức của chính chủ nhân di sản nhưng quan trọng hơn cả là những tác động của chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển về văn hoá của Đảng và Nhà nước.

Năm 2001, *Luật Di sản văn hoá* ra đời, đi vào cuộc sống bên cạnh Chương trình mục tiêu Quốc gia về văn hoá được triển khai ở Lâm Đồng đã tác động tích cực và tạo sự chuyển biến mạnh mẽ làm sống dậy truyền thống văn hoá lễ hội vốn có ở nhiều vùng cư dân bản địa Lâm Đồng. Chẳng hạn, người Cơ Ho Srê ở Di Linh duy trì hàng năm các lễ hội: Nhô sih srê (uống gieo xạ); Nhô wèr (uống kiêng cũ); Nhô lir bong (uống trát/làm kín bồ lúa - cuối vụ); người Mạ tại Bảo Lâm tổ chức các lễ: Nhô tằm s'nom (uống trông cây thuốc); Nhô romun (uống - với - cây gậy chọc lỗ tra hạt); Nhô brê r'he (uống mang gốc rạ - về kho/mùng lúa về kho); Người Chu Ru tại Tà Năng tổ chức lễ Bomung vào tháng 2-3 hàng năm...

Điều đáng quan tâm hơn cả đối với việc khôi phục, phát huy di sản văn hoá lễ hội của người Mạ, Cơ Ho và Chu Ru ở đây không phải là ở số lượng mà là ở *chất lượng*. Những lễ hội được cư dân bản địa Lâm Đồng tổ chức định kỳ hiện nay thực sự là sự *lựa chọn và sáng tạo* của cộng đồng – bản chất của lễ hội – biểu lộ được những đặc trưng văn hoá tộc người và có sức cộng đồng, cộng cảm lớn.

*

Như vậy, dù không nhiều, không ồ ạt nhưng những lễ hội còn được các cộng đồng Mạ, Cơ Ho và Chu Ru duy trì ở Lâm Đồng là sự kế thừa truyền thống văn hoá và dĩ nhiên những lễ hội đó hiện nay cũng phải tích hợp cả những yếu tố văn hoá đương đại.

Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá các dân tộc nói chung và lễ hội nói riêng ở Lâm Đồng trong thời gian tới còn nhiều thử thách. Với những kết quả đã đạt được, chúng tôi xin

manh dạn nêu một số đúc rút lý luận và thực tiễn sau:

Bảo tồn, phát huy lễ hội phải dựa trên cơ sở là sự đồng thuận, tự nguyện, cộng đồng về cả tinh thần và đóng góp vật chất - Tức là phải xuất phát từ nhu cầu về văn hoá tâm linh, nhu cầu về sinh hoạt văn hoá của cộng đồng văn hoá là chủ nhân của lễ hội đó. Thực tế minh chứng nhiều lễ hội truyền thống của cư dân bản địa Lâm Đồng có quy mô lớn, đặc trưng nhưng khó có thể bảo tồn, khôi phục do chức năng không còn phù hợp.

Chú trọng hiệu quả văn hoá của lễ hội. Chúng tôi không cho rằng, bảo tồn lễ hội phải gắn liền hiệu quả về văn hoá với hiệu quả về kinh tế. Dĩ nhiên, việc lễ hội mang lại hiệu quả về kinh tế cũng là một *nhu cầu* trong thời buổi hiện nay nhưng bản chất của lễ hội chính là những *thắng lợi về tinh thần* của cả cộng đồng trong quá trình nhận thức thế giới. Đó cũng chính là mục tiêu của cộng đồng khi tổ chức lễ hội, chú trọng hiệu quả kinh tế của lễ hội sẽ dẫn đến thương mại hoá lễ hội, đẩy lễ hội xa dần bản chất văn hoá tốt đẹp của cộng đồng, dân tộc.

Vận dụng thường xuyên và linh hoạt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc bảo tồn, phát huy di sản văn hoá, lễ hội. Chính những tác động quản lý nhà nước này góp phần quan trọng vào nhận thức của chủ nhân di sản văn hoá. Bảo tồn di sản văn hoá lễ hội là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân nhưng chủ nhân của những di sản ấy đóng vai trò trung tâm và quyết định. Họ chính là người kế thừa, duy trì và chuyển những giá trị truyền thống vào xã hội hiện tại trên cơ sở chọn lọc và sáng tạo.

Xét cho cùng, đối với các tộc người bản địa Lâm Đồng, lễ hội xuất phát từ nhu cầu về mặt lợi ích nhằm phụng sự thần linh và họ tin rằng đó là biện pháp có hiệu quả nhất để bảo vệ cộng đồng khỏi những điều không mong muốn. Do đó, công tác bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống của các tộc người bản địa Lâm Đồng cần được thực hiện trên cơ sở sự hài hoà giữa nhu cầu đó và nhu cầu giải bày, tự hào về tài sản văn hoá của chính bản thân họ. ■

TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GÓP PHẦN THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

NGUYỄN VIỆT VÂN

Giám đốc Sở Thông tin Truyền thông Lâm Đồng

Khoa học và công nghệ hiện nay đã và đang có những bước phát triển kỳ diệu, đặc biệt là sự xuất hiện *cách mạng thông tin, cách mạng tri thức và sự bùng nổ công nghệ cao*. Đó là những công nghệ cao, cơ bản và chúng đang kết hợp với nhau để tạo thành nền tảng cho phát triển kinh tế tri thức.

Tầm quan trọng của công nghệ thông tin (CNTT) được nêu rõ trong Báo cáo chính trị tại Đại hội X của Đảng cũng như trong Chỉ thị số 58 của Bộ Chính trị: *"CNTT là một trong các động lực quan trọng nhất của sự phát triển, cùng với một số ngành công nghệ cao khác đang làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của thế giới hiện đại. Ứng dụng và phát triển CNTT ở nước ta nhằm góp phần giải phóng sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc, thúc đẩy công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và hiện đại hoá các ngành kinh tế, tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, hỗ trợ có hiệu quả cho quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đảm bảo an ninh, quốc phòng và tạo khả năng đi tắt đón đầu để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá"*.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, việc ứng dụng CNTT tại tỉnh Lâm Đồng trong thời gian qua đã nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo tỉnh, các ngành và đã đạt một số kết quả nổi bật, đáng chú ý như sau:

Về môi trường chính sách

Tỉnh Lâm Đồng đã ban hành nghị quyết về Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2008-2010 và định hướng đến 2020, đồng thời đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Công nghệ thông tin tỉnh Lâm Đồng đến năm 2010 và định hướng đến

năm 2020 và Quy hoạch phát triển bưu chính viễn thông tỉnh Lâm Đồng đến 2020. Đây là những cơ sở vững chắc cho việc đẩy mạnh triển khai ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, góp phần cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả trong từng lĩnh vực.

Về phát triển mạng và dịch vụ viễn thông, Internet

Mạng lưới Viễn thông tỉnh Lâm Đồng đã được đầu tư xây dựng và phát triển với hệ thống truyền dẫn và thiết bị chuyên mạch tiên tiến, hiện đại, đa dịch vụ. Hiện nay đã cung cấp dịch vụ internet băng thông rộng cho 100% huyện, xã trong tỉnh. Với dịch vụ này, các điểm văn hóa xã có điều kiện phục vụ tốt hơn yêu cầu của người sử dụng dịch vụ ứng dụng CNTT. Tổng số thuê bao internet toàn tỉnh hiện nay là 61.859, trong đó chủ yếu là ADSL.

Về hạ tầng mạng kết nối trong các cơ quan nhà nước tại địa phương

Hiện nay mạng truyền số liệu chuyên dụng của Lâm Đồng đang được Cục Bưu điện Trung ương đầu tư xây dựng đến các sở, ngành và Văn phòng UBND cấp huyện. Văn phòng UBND tỉnh và Trung tâm Quản lý Công nghệ thông tin điện tử trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông đang sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dụng, dự kiến trong năm 2012 sẽ sử dụng ở tất cả các đơn vị đã được lắp đặt đường truyền và thiết bị.

Bên cạnh đó, hệ thống cáp quang, Internet băng thông rộng cũng như các dịch vụ viễn thông khác đã được các doanh nghiệp xây dựng và cung cấp đến tất cả các xã, cụm xã trong tỉnh, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu kết nối của các tổ chức và cá nhân.

Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước

Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước đã được Thường trực Tỉnh uỷ, lãnh đạo UBND tỉnh và lãnh đạo các cấp, các ngành quan tâm đầu tư nhằm tạo động lực thúc đẩy ứng dụng CNTT trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Tại một số cơ quan như: Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Chi cục Hải quan Đà Lạt đã triển khai ứng dụng CNTT thống nhất theo ngành dọc từ Trung ương tới địa phương.

Các cơ sở dữ liệu (CSDL) đã được đưa vào khai thác và sử dụng phục vụ công tác điều hành tác nghiệp của các đơn vị như: CSDL GIS của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông; CSDL văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh tại Sở Tư pháp; CSDL quản lý hồ sơ lưu trữ tại trung tâm lưu trữ quốc gia,...

Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã cung cấp đầy đủ các thông tin về bộ máy tổ chức và hoạt động của HĐND, UBND tỉnh; thông tin liên quan đến thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực; các chính sách mời gọi đầu tư,... nhằm quảng bá, kêu gọi và thu hút đầu tư vào Lâm Đồng.

Việc sử dụng hệ thống thư điện tử của tỉnh được quan tâm thúc đẩy. Đến nay đã cung cấp hơn 3.200 tài khoản email công vụ cho CBCC của tỉnh, có 85% CBCC sử dụng thư điện tử cho công việc. Trong năm 2012, ngành sẽ cung cấp email công vụ cho toàn bộ CBCC của tỉnh để ngày càng phát huy hiệu quả tích cực trong việc chuyển, nhận văn bản chỉ đạo điều hành cũng như tiết kiệm thời gian và chi phí trong quản lý hành chính nhà nước.

Bên cạnh sử dụng hệ thống thư điện tử, việc đưa vào vận hành hệ thống Văn phòng điện tử - e-Office đã triển khai được cho toàn bộ các cơ quan quản lý nhà nước cấp sở, huyện trong tỉnh (36/36 đơn vị). Qua khai thác và sử dụng hệ thống Văn phòng điện tử - eOffice tại các đơn vị bước đầu đã có tác động tích cực: rút ngắn thời gian chuyển, nhận văn bản; giảm chi phí; từng bước nâng cao trình độ sử dụng, ứng dụng CNTT của đội ngũ cán

bộ, công chức; đồng thời hỗ trợ có hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành; tạo môi trường làm việc trên mạng thân thiện, góp phần minh bạch hoá các quy trình giải quyết công việc và nâng cao hiệu quả quá trình cải cách thủ tục hành chính tại các đơn vị; tiên tiến thực hiện liên thông hệ thống Văn phòng điện tử giữa tất cả các đơn vị được triển khai để việc chuyển nhận văn bản giữa các đơn vị được thuận tiện và khép kín trong hệ thống.

Ứng dụng CNTT trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa hiện đại đã được triển khai tại thành phố Đà Lạt, huyện Đức Trọng và huyện Đạ Tẻh. Qua đó đã nâng cao trình độ quản lý, tạo những thay đổi tích cực trong quy trình giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông của tỉnh Lâm Đồng với sự hỗ trợ hiệu quả của các phần mềm hoạt động trên mạng. Bên cạnh đó, còn góp phần hoàn thiện các thủ tục hành chính mới theo hướng công khai, đơn giản và thuận tiện cho người dân; tạo điều kiện thuận lợi để công dân, tổ chức có thêm các phương tiện tìm hiểu, trao đổi, tương tác với cơ quan hành chính Nhà nước, củng cố lòng tin của công dân với chính quyền.

Để phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chỉ đạo trong tỉnh được thuận lợi, hệ thống hội nghị trực tuyến sử dụng đường truyền cáp quang đã được triển khai tại 15 điểm cầu trên địa bàn tỉnh; sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức hội nghị trực tuyến của tỉnh.

Ngoài ra, lĩnh vực công nghiệp CNTT và Thương mại điện tử cũng được lãnh đạo tỉnh quan tâm. Hiện nay tỉnh đã dành 63 ha tại xã Đạ Nhim huyện Lạc Dương để xây dựng Khu CNTT tập trung của tỉnh, đây sẽ là động lực thúc đẩy ngành công nghiệp CNTT của Lâm Đồng phát triển và trở thành một trong những động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cùng với đó, Dự án đầu tư xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Lâm Đồng cũng đã được phê duyệt đầu tư với kinh phí gần 5 tỷ đồng để tạo môi trường tác động và kích thích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tăng cường ứng dụng thương mại điện tử, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng. ■

NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH LÂM ĐỒNG - THỰC TRẠNG, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP

DƯƠNG HIỀN

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng

Thực trạng nguồn nhân lực của du lịch Lâm Đồng

Ngành du lịch Lâm Đồng trong thời gian qua có bước tăng trưởng khá cao, góp phần không nhỏ vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và từng bước khẳng định vai trò là ngành kinh tế động lực của tỉnh. Số lượng khách và doanh thu du lịch năm tăng sau cao hơn năm trước; năm 2010 toàn ngành du lịch đã đón và phục vụ cho hơn 3,1 triệu lượt khách và 6 tháng đầu năm 2011 đạt trên 1,8 triệu lượt khách.

Về cơ sở vật chất của ngành cũng phát triển nhanh, đến nay toàn tỉnh đã có 731 cơ sở lưu trú du lịch với tổng số 11.416 phòng, trong đó có 162 khách sạn từ 1-2 sao và 19 khách sạn cao cấp từ 3-5 sao; có 32 khu, điểm kinh doanh du lịch và trên 60 điểm tham quan miễn phí và 28 đơn vị kinh doanh lữ hành vận chuyên.

Theo thống kê sơ bộ 6 tháng đầu năm 2011, có khoảng 8.000 lao động đang làm việc tại các đơn vị kinh doanh du lịch trên địa bàn toàn tỉnh; trong đó có 5.500 lao động đang làm việc trong lĩnh vực lưu trú; 800 lao động trong lĩnh vực lữ hành – vận chuyên và 1.700 lao động trong lĩnh vực khu, điểm du lịch.

Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có 6 trường đào tạo ngành du lịch từ bậc công nhân lành nghề cho đến đại học. Hàng năm các trường đào tạo về du lịch trên địa bàn tỉnh đã cung cấp hơn 2.000 lao động qua đào tạo cho ngành du lịch địa phương và các vùng lân cận ở các trình độ sau: 300 cử nhân đại học, 250 cử nhân cao đẳng, 450 trung cấp và khoảng hơn 1.000 sơ cấp.

Các trường đã có nhiều cải tiến về nội dung chương trình phù hợp với nhu cầu phát triển

chung của ngành; tuy nhiên, nội dung chương trình học hiện nay còn tập trung nhiều vào việc trang bị các kiến thức về lý thuyết và còn xem nhẹ các kỹ năng thực hành; vì vậy theo đánh giá của các doanh nghiệp hoạt động du lịch nói chung, một trong những điểm yếu hiện nay của lực lượng lao động qua đào tạo tại các trường là tính chuyên nghiệp chưa cao, kỹ năng giao tiếp và ngoại ngữ còn hạn chế.

Có thể nhận thấy hầu hết lực lượng lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp du lịch hiện nay vẫn chưa qua đào tạo chính quy, cả trong nghiệp vụ chuyên môn lẫn trong quản lý điều hành, đặc biệt đối với các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa, hộ cá thể... Vì vậy, so với yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch ngày càng phát triển và tốc độ tăng trưởng bình quân khách du lịch hàng năm đến Lâm Đồng là 10 - 11% thì công tác đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch cần phải xem là nhiệm vụ trọng tâm để có thể đáp ứng về mặt số lượng cũng như chất lượng phục vụ khách du lịch.

Định hướng và giải pháp phát triển nguồn nhân lực của ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng

Mục tiêu Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 10/5/2011 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển du lịch, dịch vụ giai đoạn 2011 - 2015 đã xác định đến năm 2015 tỉnh Lâm Đồng sẽ đón từ 4,5 - 5,0 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế chiếm 10%; thời gian lưu trú bình quân là 2,7 ngày; thu nhập xã hội từ du lịch đạt khoảng 10.000 tỷ đồng; dịch vụ - du lịch chiếm 35,2 - 35,8% tổng GDP toàn tỉnh.

Nhiệm vụ trọng tâm là tập trung đầu tư, xây dựng mới hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch để đến năm 2015 toàn tỉnh có trên 25.000

phòng nghỉ, trong đó số phòng khách sạn từ 1- 5 sao chiếm 40%; thu hút trên 15.000 lao động làm việc trong các doanh nghiệp du lịch; 90% lao động trực tiếp phải qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ.

Tập trung khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực du lịch là một trong những giải pháp đặc biệt quan trọng để phát triển du lịch Lâm Đồng theo hướng bền vững, vì vậy trong thời gian tới toàn ngành cần thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm sau:

Đối với cơ quan quản lý Nhà nước, tập trung ban hành chính sách để khuyến khích những người có chuyên môn giỏi về du lịch tham gia vào bộ máy quản lý nhà nước; Khảo sát đánh giá hiện trạng nhằm phát triển nguồn nhân lực du lịch, dịch vụ đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hợp lý về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo đảm bảo tính chuyên nghiệp, đủ sức cạnh tranh và hội nhập.

Đối với các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực du lịch, đẩy mạnh phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo chuyên ngành du lịch; tăng cường đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học; tăng cường đào tạo đại học, trên đại học và đào tạo quản lý về du lịch, dịch vụ, quan tâm tới đào tạo kỹ năng nghề du lịch.

Đào tạo theo nhu cầu xã hội, xác định được

nhu cầu đào tạo của các đơn vị kinh doanh du lịch theo từng vị trí công việc; thiết kế chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của công việc, có sự trao đổi giữa đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo, tránh những chương trình có sẵn, không theo sát nhu cầu của doanh nghiệp; thực hiện chương trình đào tạo với đội ngũ giảng viên có phương pháp giảng dạy và chuyên môn cao; đánh giá công tác đào tạo thông qua hiệu quả làm việc của học viên trong công việc hàng ngày và ảnh hưởng của khóa đào tạo tới kết quả kinh doanh của đơn vị, việc đánh giá đào tạo được tổ chức bài bản sẽ rút ra bài học kinh nghiệm cho những khóa học tiếp theo.

Gắn kết đào tạo với sử dụng trên cơ sở đáp ứng yêu cầu thu hút nguồn nhân lực của ngành dịch vụ du lịch, vừa thực hiện liên kết vùng, vừa cung cấp lao động qua đào tạo cho ngành du lịch; tăng cường liên kết, hợp tác quốc tế trong đào tạo.

Đối với các đơn vị kinh doanh du lịch, cần phải nhận thức được đào tạo nguồn nhân lực là trách nhiệm của từng đơn vị, đồng thời phải có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo lao động, kể cả ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với mục tiêu phát triển của đơn vị; khuyến khích đẩy mạnh đào tạo tại chỗ, tự đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp. ■



ĐO LƯỜNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG SUẤT

NGUYỄN MINH TÂM

Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng

Ngày 21/5/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 712/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020". Mục tiêu của Chương trình là nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp của Việt Nam, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Dự án thứ 9 trong Chương trình được xác định là "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương". Dự án có nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất hàng hóa chủ lực áp dụng các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng phù hợp thực tế địa phương. Triển khai thực hiện với thực tế của tỉnh, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã tham mưu xây dựng dự án "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương" (gọi tắt là dự án Năng suất chất lượng của địa phương). Trong dự án sẽ xác định rõ các khái niệm về năng suất, mối quan hệ năng suất và chất lượng, đặc biệt là cách thức đo lường năng suất để từ đó đánh giá các hoạt động, giải pháp tác động nhằm nâng cao năng suất và chất lượng. Mục tiêu của dự án nhằm nâng cao năng suất và chất lượng cho các sản phẩm hàng hóa chủ lực của địa phương như chè, cà phê, rau, hoa và dịch vụ du lịch.

Năng suất và chất lượng

Năng suất là đại lượng đo bằng tỷ số giữa đầu ra và đầu vào, nhưng đầu ra luôn được đo bằng giá trị tăng thêm (theo JPC - Trung tâm Năng suất Nhật Bản). Việc tính năng suất được quy về đơn vị tiền tệ, việc này thuận lợi khi thực hiện so sánh đánh giá, mặt khác nó thể hiện được mối tương quan giữa sản xuất và thị trường, phản ánh toàn diện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Giá trị gia tăng (GTGT) có thể tính bằng

doanh số trừ đi các chi phí mua nguyên vật liệu và dịch vụ được thuê ngoài. Trên khía cạnh này, ta thấy giá trị gia tăng chính là tổng tài sản tạo ra bởi doanh nghiệp, nó thể hiện nỗ lực chung của tổ chức. Tuy nhiên, GTGT có thể tính bởi tổng các giá trị lương, thưởng của lao động với khấu hao tài sản, thuế và lợi nhuận của người bỏ vốn. Trên khía cạnh này, nó có ý nghĩa như một quan hệ cộng đồng lợi ích, nên GTGT lớn, mọi bên liên quan đều có lợi. Cách tính năng suất theo GTGT chỉ cho ta hướng để nâng cao năng suất một cách tích cực.

Khi nói đến năng suất thường người ta hiểu như số lượng của quá trình sản xuất, có quan hệ nghịch với chất lượng, có nghĩa là chất lượng cao thì năng suất bị hạn chế. Nhưng thực tế, nếu tính năng suất bởi GTGT như trên thì quan hệ năng suất và chất lượng thực chất là quan hệ thuận, có nghĩa chất lượng tăng thì năng suất cao hơn. Mối quan hệ này có thể thấy cụ thể như sau:

- Khi tăng chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ ta có thể thỏa mãn khách hàng tốt hơn, nhờ đó có thể mở rộng thị trường, tăng doanh số; có thể bán được giá hơn, có nghĩa là GTGT tại đầu ra sẽ tăng, điều đó có nghĩa năng suất cao hơn. Điều này có nghĩa lợi ích của người sản xuất đồng thuận với lợi ích của khách hàng.

- Khi tăng chất lượng quá trình, các hoạt động trong doanh nghiệp sẽ được quản lý tốt hơn: giảm các lãng phí và giảm giá thành, ít phê phẩm, không phải tốn phí tái chế hay hạ giá bán, tức là nếu giá bán không đổi ta có thể có GTGT lớn hơn, năng suất cao hơn.

Phân tích mối quan hệ giữa năng suất và chất lượng ở trên cho thấy các hướng nâng cao năng suất bằng các biện pháp tăng cường hoạt động quản lý chất lượng trong doanh nghiệp. Đó cũng chính là một trong các nội dung chính của Chương trình năng suất chất lượng nói trên. Tuy nhiên, biện pháp cơ bản

tăng năng suất chất lượng là phải áp dụng các công nghệ tốt hơn để tăng được chất lượng sản phẩm, sử dụng hiệu quả hơn các nguồn tài nguyên đầu vào để tạo sản phẩm. Việc đo lường năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) thể hiện tác động này (chủ đề này đã được đề cập trong Bản tin Thông tin KHCN Lâm Đồng, số 4-2009).

Các giải pháp nâng cao năng suất

Thực hiện đo lường năng suất có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá thực trạng việc sản xuất kinh doanh, tìm ra các giải pháp để nâng năng suất. Để đo lường năng suất người ta dùng các chỉ số năng suất. Các chỉ số chính thường được sử dụng là¹:

Năng suất lao động = GTGT/(số lao động), cho thấy giá trị được tạo ra bởi doanh nghiệp trên cơ sở quan hệ với số lượng nhân viên. Năng suất lao động phản ánh chất lượng lao động, tinh thần làm việc của nhân viên, chất lượng quản lý, mức đầu tư vốn trong doanh nghiệp. Năng suất lao động cao có thể hiểu như là: hiệu quả của lao động và quản lý cao, đầu tư vốn cao, giá cả và nhu cầu sản phẩm ổn định, tinh thần làm việc tích cực, mối quan hệ lao động và quản lý tốt. Năng suất lao động thấp thể hiện thái độ các cấp không thiện chí, quy trình làm việc không đúng. Do đó để cải thiện năng suất cần cải thiện quan hệ lao động và chất lượng hoạt động quản lý.

Năng suất lao động cũng có thể là: (doanh số trên nhân viên) x (tỷ lệ GTGT/doanh số) hay (vòng quay vốn) x (mức vốn/mỗi nhân viên) x (tỷ lệ GTGT/doanh số). Từ các công thức tính này ta có thể thấy giải pháp tăng năng suất là tăng doanh số của mỗi nhân viên, hoặc tăng mức GTGT trên mỗi đơn vị doanh số, hoặc tăng vòng quay vốn, hoặc tăng mật độ vốn trên mỗi lao động.

Năng suất vốn = GTGT/(tài sản cố định), phản ánh tính hiệu quả trong sử dụng tài sản, khi giá trị này thấp thể hiện hiệu quả sử dụng tài sản thấp, hay đầu tư quá mức.

Cạnh tranh chi phí lao động = GTGT/(chi phí lao động), giá trị được tạo ra trên mỗi chi phí trả cho lao động của doanh nghiệp. Chỉ số cạnh tranh lao động phản ánh khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp về lao động. Khi chỉ

số này cao thể hiện: cạnh tranh hơn thông qua lao động, tỷ lệ lương thấp, hiệu quả và hiệu lực cộng với tỷ lệ lương hợp lý. Ngược lại, nó chứng tỏ tình trạng không cạnh tranh, mức độ hiệu quả và hiệu lực thấp, hoặc tỷ lệ lương cao không tương xứng với hiệu quả công việc. Để tăng cạnh tranh lao động phải tăng năng suất lao động hoặc giảm phần đóng góp của lao động vào GTGT, có nghĩa là sử dụng công nghệ mới hiệu quả hơn.

Khả năng sinh lợi = (lợi nhuận)/(tài sản cố định), với (lợi nhuận hoạt động) = GTGT - (chi phí lao động) - (khấu hao) = (lợi nhuận trước thuế) - (lãi suất vay). Chỉ số khả năng sinh lợi phản ánh sự sử dụng hiệu quả vốn (tài sản cố định). Chỉ số khả năng sinh lợi cao thể hiện đầu tư mang lại thu nhập tốt, chiến lược hiệu quả về giá, tiếp thị và năng lực vốn tốt.

Theo *Quek Aik Teng* để đánh giá mức độ tiến bộ của doanh nghiệp, ta có thể so sánh các chỉ số năng suất (CSNS) kể trên với các chỉ số trung bình của ngành (TBN) hay theo mức độ đạt được của từng thời kỳ để có các biện pháp cải tiến năng suất phù hợp.

CSNS của doanh nghiệp	TBN	Mức năng suất của doanh nghiệp
Nhỏ hơn khoảng	10-30%	Rất thấp
Nhỏ hơn	10%	Thấp
Trong khoảng	± 10%	Trung bình
Cao hơn	10-30%	Cao
Cao hơn	30%	Rất cao

Triển khai các dự án năng suất chất lượng ở các doanh nghiệp cần thiết phải thực hiện các đo lường năng suất và phân tích đối sánh với trung bình ngành, hay đối thủ cạnh tranh để doanh nghiệp xác định được vị trí của mình trong tổng thể thị trường. Doanh nghiệp cũng cần có biện pháp đo lường định kỳ các chỉ số năng suất để tự đối sánh, nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng nhằm cải thiện và nâng cao năng suất. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Quek Aik Teng*, Tài liệu tập huấn “Giải pháp xúc tiến phong trào năng suất”, TP. HCM 8/2011.
2. Nguyễn Đình Phan, *Cách tiếp cận mới về năng suất và việc ứng dụng vào Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

HOẠT ĐỘNG TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG NĂM 2011 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

LÊ XUÂN PHÚC

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, trong năm qua Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh đã có những cải tiến trong việc triển khai, thực hiện kế hoạch và mang lại những kết quả đáng ghi nhận trên các mặt công tác.

Công tác quản lý tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa

Công tác quản lý chất lượng hàng hóa đã đạt được kết quả tương đối tốt, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, chống gian lận thương mại, thúc đẩy phát triển sản xuất và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Các hoạt động về tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng đã được tuyên truyền sâu rộng hơn đến các cơ sở sản xuất trong tỉnh. Việc nghiên cứu và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn và chất lượng thường xuyên được thực hiện phục vụ cho hoạt động quản lý ngày một tốt hơn. Trong năm, Chi cục cũng đã giải quyết các hồ sơ công bố hợp chuẩn về rượu, nấm, gạch rỗng, đất sét nung, cà phê,...

Việc thực hiện Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của UBND tỉnh trong xây dựng, áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lâm Đồng



giai đoạn 2011-2013 đã nâng cao chất lượng quản lý hành chính tại Lâm Đồng. Hiện nay tỉnh đang bắt đầu triển khai áp dụng mô hình khung trong tất cả các hoạt động của đơn vị hành chính tại địa phương, tiến tới xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Các hoạt động về TBT cũng kịp thời cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp trong tỉnh đặc biệt là đối với các doanh nghiệp có hàng hóa xuất khẩu. Qua đó đã giúp doanh nghiệp hiểu và chấp hành tốt hơn các quy định của nhà nước, thực hiện tốt việc công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cung cấp, mở rộng thị trường, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, nâng cao khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Công tác quản lý đo lường

Hoạt động đo lường pháp quyền được tăng cường, thực hiện quản lý các loại phương tiện đo đang được sử dụng trên địa bàn tỉnh theo quy định, đáp ứng tốt yêu cầu kiểm định; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về hoạt động quản lý đo lường pháp quyền, mở rộng khả năng kiểm định, đôn đốc nhắc nhở và có biện pháp chấn chỉnh kịp thời các sai lỗi trong việc sử dụng phương tiện đo trên địa bàn toàn tỉnh.

Trong năm, hoạt động đo lường pháp quyền được tập trung vào việc nâng cao hiệu quả của công tác kiểm định. Qua đó đã rà soát tình hình sử dụng phương tiện đo trên địa bàn toàn tỉnh đối với các lĩnh vực đo như cân ô tô, cân sử dụng trong kinh doanh vàng bạc, đồng hồ áp suất, huyết áp kế, điện tim,...

Công tác thanh tra, kiểm tra

Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ,... hoạt động thanh tra, kiểm tra thường kỳ và đột xuất cũng đã được Chi cục chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện. Trong năm qua, hoạt động này được tập trung vào các lĩnh vực đo lường, chất lượng xăng dầu, hàng đóng gói sẵn, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, thiết bị điện, điện tử, các phương tiện đo khác sử dụng trong sản xuất kinh doanh hoặc mua bán trao đổi... Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện những sai phạm về đo lường, về ghi nhãn hàng hóa cũng như các hồ sơ liên quan, qua đó nhắc nhở, xử lý kịp thời theo các quy định của pháp luật, nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại địa phương.



Hoạt động tuyên truyền về tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng đã được triển khai sâu rộng đến các cơ sở sản xuất trong tỉnh, giúp doanh nghiệp hiểu và chấp hành tốt hơn các quy định của nhà nước. Qua đó hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh được đảm bảo, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cung cấp, đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đồng thời cũng nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, góp phần ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tăng cường khả năng cạnh tranh, chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Để đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, trong năm 2012, Chi cục Tiêu chuẩn

Đo lường Chất lượng sẽ tập trung vào một số nhiệm vụ chính như sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Đo lường cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong toàn tỉnh; nâng cao hơn nữa ý thức chấp hành quy định pháp luật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác phối hợp với các sở, ngành trong hoạt động khảo sát, đánh giá hiện trạng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong tỉnh, đặc biệt đối với các sản phẩm đặc thù, sản phẩm trọng điểm của địa phương để có kế hoạch đào tạo, tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Đồng thời triển khai thực hiện chương trình năng suất – chất lượng, góp phần ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa phương.

- Duy trì hoạt động của mạng lưới TBT địa phương: phối hợp rà soát, xây dựng các văn bản pháp quy kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoạt động hỏi-đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, cung cấp kịp thời và chính xác các thông tin cần thiết liên quan đến các sản phẩm và các thị trường xuất khẩu của các doanh nghiệp trong tỉnh.

- Tăng cường thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo lường pháp quyền, nắm bắt kịp thời số lượng đối tượng phải kiểm định. Tăng cường các hoạt động phối hợp với Phòng Kinh tế hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố Bảo Lộc, Đà Lạt và các ngành, đơn vị có liên quan để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác đo lường pháp quyền.

- Phối hợp tốt với các cơ quan chức năng trong tỉnh trong công tác thanh, kiểm tra về đo lường và chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường; đấu tranh phòng chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại trên địa bàn tỉnh, tập trung vào các loại hàng như mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, xăng dầu, đồ điện, và các mặt hàng khác theo yêu cầu quản lý khi có phát hiện có vấn đề nổi cộm về chất lượng và đo lường. ■

RỒNG VIỆT NAM

NGÔ ĐÌNH VĂN CHÂU

Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng

Trong đời sống của người Phương Đông, rồng là biểu tượng của điềm lành, sự may mắn và tốt đẹp. Ở Trung Hoa xưa, người ta xem rồng là tinh linh núi, là thần linh bảo hộ. Trong dân gian Trung Hoa có rất nhiều truyền thuyết cho rằng rồng có khả năng hô mưa gọi gió, có thể đội sông lật bể, gọi mây che mặt trời. Với người Nhật, rồng là chủ yếu trong những vật lý tượng ở đây. Đối với người Triều Tiên, rồng là một trong bốn con vật siêu tự nhiên có phép lạ. Nó là hiện thân của mọi sức di động, thay đổi và năng lực để tiến công. Về mùa xuân, nó bay lên trời, và về mùa thu nó nấu mình dưới đáy nước sâu.

Với người Việt Nam, trong ký ức dân gian, thần mưa và thần nước mang hình hài một con rồng to thường xuyên ra biển Đông hút nước mang vào đất liền đem lại sự màu mỡ, phì nhiêu cho đất đai. Hình tượng con rồng đã ăn sâu trong tâm trí của mỗi người, rồng được xem là thủy tổ của dân tộc với truyền thuyết “con Rồng cháu Tiên” mà người Việt Nam luôn tự hào. Rồng được xem là con vật linh thiêng, biểu tượng của sự cao quý, của sức sống vĩnh hằng và sức mạnh nên hình tượng rồng được sử dụng nhiều trong kiến trúc cung đình, đền chùa, đồ dùng, trang phục vua chúa,... Nhiều địa danh sông núi được

gắn liền với rồng như: kinh đô Thăng Long, cầu Hàm Rồng, sông Cửu Long...

Hình tượng con rồng cũng thay đổi theo dòng lịch sử qua các triều đại. Việc xác định phong cách thể hiện con rồng qua các thời kỳ sẽ là một căn cứ để xác định niên đại công trình kiến trúc. Các thời đại phong kiến Việt Nam đều lấy rồng làm biểu tượng cho thế lực và uy quyền của quân vương. Do vậy, hình tượng rồng không ngừng được sáng tạo, thay đổi kiêu dáng... Trong quá trình ấy rồng cũng luôn gắn bó với dân tộc trong các thời kỳ dựng nước và giữ nước.

Hình tượng con rồng của người Việt qua mỗi triều đại có những nét riêng, phong cách riêng. Điều đó thể hiện rất rõ trên tranh vẽ, gốm, điêu khắc, sơn mài...

Theo các nhà nghiên cứu, hình tượng “Thăng Long” – Rồng thời Lý có lẽ là đỉnh cao của biểu tượng hồn dân tộc. Rồng thời Lý không chỉ gắn với thủ đô Hà Nội mà còn có vẻ đẹp thực sự, thể hiện được cái uy vũ và hồn của dân tộc ta. Rồng Thăng Long thể hiện cái thể bay lên, là sự thể hiện của khí thiêng tích tụ của mảnh đất Thăng Long mà vua nhà Lý đã trông thấy mà quyết định dời đô đến Thăng Long.

Một số hình ảnh về Rồng Việt Nam



Đầu rồng thời Lý



Hình tượng rồng thời Lý



Rồng trong tranh Đông Hồ



Hình tượng rồng thời Lê



Hình tượng rồng thời Nguyễn



Hình tượng rồng thời Trần



Hình tượng rồng làm từ trái cây

(Sưu tầm)

NHỮNG CÂY RÂU RỒNG - CHỮA BỆNH MẤT TRÍ NHỚ

DS. NGUYỄN THỌ BIÊN

Trong dân gian thường gọi một số cây trong họ Thông đất hay Thạch tùng (*Lycopodiaceae*) là cây Râu rồng vì thân của nó buông thõng xuống trông rất đẹp và thường được trồng làm cảnh.

Ở thành phố Đà Lạt có 3 loại: cây Râu rồng, cây Râu rồng lá, cây Râu rồng tua. Những cây này đều chứa alcaloid, hiện đang được nghiên cứu dùng để chữa bệnh mất trí nhớ (*Alzheimer*).

Cây Râu rồng

Còn gọi là Thạch tùng thân gập, Thạch tùng vảy.

Tên khoa học: *Huperzia Squarrosa* (Forst.) Trevis. (*Lycopodium Squarrosus* Forst.).

Cây Râu rồng sống trên cây thân gỗ nơi đất

đá ẩm ướt vùng nhiệt đới. Ở nước ta thường gặp ở rừng núi miền Trung, Tây Nguyên. Tại Lâm Đồng thường thấy ở núi Lang Bian, Lạc



Dương, Đơn Dương, Đức Trọng. Tại thành phố Đà Lạt được trồng làm cảnh.

Thân cây mọc đứng ở gốc, sau buồng thông xuống chia thành nhánh lưỡng phân 1-2 lần. Lá xếp xoắn ốc, không cuống, hình ngọn giáo. Bông ở ngọn. Lá bào tử hình thận, hai mảnh vỏ bằng nhau.

Cây Râu rồng vị hơi đắng, tính bình có tác dụng cầm máu. Trong nhân dân dùng toàn cây phơi khô, sắc uống chữa bệnh khi bị đánh tổn thương, chảy máu.

Ở vùng Vân Nam, Trung Quốc, người ta dùng toàn cây sắc uống trị đau dây thần kinh tọa, đau lưng do phong thấp.

Cây Râu rồng lá



Còn gọi là Thạch tùng đuôi ngựa, Râu cây, Mã vĩ sam.

Tên khoa học: *Huperzia Phlegmaria L.* (*Lycopodium Phlegmaria L.*)

Cây Râu rồng lá sống ở vùng nhiệt đới, thường mọc vùng núi cao ở miền Trung, miền Nam nước ta. Tại Lâm Đồng có tại núi Lang Bian, Đức Trọng, Đơn Dương và được trồng làm cảnh tại Đà Lạt.

Cây phụ sinh, thân buồng thông xuống dài khoảng 50-100 cm, chia nhánh lưỡng phân 1-4 lần. Lá xếp xoắn ốc hình xoan tam giác rộng có mũi nhọn. Bông không cuống. Lá bào tử nhỏ.

Cây Râu rồng lá có vị nhạt, tính mát, thanh nhiệt chỉ thống, thông kinh trừ thấp. Trong

nhân dân dùng cả cây phơi khô, sắc uống để chữa đau mình mẩy. Tại Trung Quốc cây này được dùng làm thuốc trị đau họng, tổn thương khi bị đòn, ngã.

Cây Râu rồng tua



Còn gọi là Thạch tùng xoan, Thạch tùng xoan ngược, Thạch tùng tua mọc.

Tên khoa học: *Huperzia Obovalifolia (Bon.) (Lycopodium Obovalifolium. (Bon.))*

Cây mọc trong rừng núi cao ẩm ướt ở miền Trung nước ta. Tại Lâm Đồng thường gặp ở núi Lang Bian, Đơn Dương, được trồng làm cảnh tại thành phố Đà Lạt.

Cây phụ sinh, có thân hình trụ, buồng thông xuống dài 20-40 cm phân chia 2-3 lần, cành xếp tỏa ra như tua mực. Lá xếp xoắn ốc tỏa rộng, hình trám thuôn, không cuống, gân giữa rõ, lồi.

Cây có tính mát, vị nhạt, thường được dùng để chữa phong thấp, đau nhức.

*

Ba cây Râu rồng trên được dùng làm cảnh, thường trồng trong các quang treo, bó vào các mảnh gỗ hoặc ép vào các cây lớn cùng với dớn, thân để buồng thông dài xuống trông rất đẹp. Cây phải để trong râm mát, được tưới ẩm thường xuyên. Cây phát triển tốt tại thành phố Đà Lạt.

Những cây Râu rồng trên cần được nghiên cứu bảo vệ, tái sinh, trồng trọt, chế biến để dùng làm thuốc phòng và chữa bệnh. ■

ĐẨY MẠNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHOAI TÂY, RAU VÀ HOA

Với điều kiện khí hậu và đất đai thuận lợi, Lâm Đồng nổi tiếng là vùng sản xuất nông nghiệp đạt chất lượng cao của cả nước. Nông nghiệp Lâm Đồng là động lực phát triển kinh tế - xã hội mà trong đó sản xuất rau, hoa được xem là ngành mũi nhọn. Sản xuất rau, hoa của tỉnh ngày càng tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng.

Với chức năng, nhiệm vụ chính là nghiên cứu chọn tạo giống, phát triển công nghệ sản xuất khoai tây, rau và hoa; đào tạo cán bộ kỹ thuật, kỹ thuật viên và nông dân trong lĩnh vực sản xuất khoai tây, rau, hoa cho địa phương, ... qua hơn 30 năm hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa, trực thuộc Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tuy còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất kỹ thuật và điều kiện nghiên cứu, nhưng đã có nhiều đóng góp đáng kể không chỉ với ngành nông nghiệp của cả nước nói chung mà cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng nói riêng. Có thể điểm qua một số thành tựu chính đã góp phần thúc đẩy, gia tăng hiệu quả sản xuất và thu nhập của nông dân tại Lâm Đồng.

Nghiên cứu phát triển cây khoai tây

Từ những năm 1978-1979, khi mới được thành lập, Trung tâm đã tiến hành thử nghiệm thành công và nhân nhanh, cung cấp các giống khoai tây Việt Đức 1, Việt Đức 2 cho sản xuất tại Đà Lạt. Các giống này đã được nhanh chóng triển khai rộng, góp phần tăng năng suất khoai tây trung bình của Đà Lạt từ 9-10 tấn/ha lên 13-14 tấn/ha.

Những năm gần đây, với nhu cầu về khoai tây nguyên liệu cho chế biến công nghiệp đang tăng mạnh, Trung tâm đã định hướng nghiên cứu chọn tạo và phát triển các giống khoai tây chất lượng cao phục vụ chế biến công nghiệp. Giống khoai tây PO3 là giống được Trung tâm nhập nội, chọn lọc, phát triển, chuyên giao vào

sản xuất năm 2002-2003 và đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) công nhận chính thức là giống cây trồng mới, hiện chiếm trên 80% diện tích khoai tây của vùng rau Lâm Đồng.

Ngoài ra, giống khoai tây Atlantic chuyên dùng để chế biến khoai tây chiên lát truyền thống của thế giới cũng đã được Trung tâm phối hợp với công ty PepsiCo Việt Nam nhập nội, khảo nghiệm, tổ chức sản xuất thử diện rộng và chuyên giao vào sản xuất phục vụ chế biến công nghiệp. Giống này cũng đã được Bộ NN&PTNT công nhận chính thức là giống cây trồng mới được sản xuất trên cả nước.

Hiện nay Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa đang chuyên giao sản xuất thử giống TK96.1 là giống do Trung tâm lai tạo và chọn lọc từ năm 1996. Giống này hội đủ các điều kiện cho chế biến công nghiệp (thịt củ trắng, đồng đều, mắt nông, hàm lượng chất khô cao và đường khử thấp). Giống có khả năng kháng mốc sương tốt và cho năng suất cao (25-30 tấn/ha). Ngoài ra giống còn có ưu điểm nổi trội đó là có thể sản xuất trong vụ mưa với năng suất cao, trong khi các giống khác rất khó sản xuất trong mùa vụ này. Giống đã được Bộ NN&PTNT công nhận cho sản xuất thử để phục vụ cho công tác chế biến.

Nghiên cứu phát triển sản xuất rau

Trong những năm 1996-2002, Trung tâm là đơn vị trụ cột trong chương trình nghiên cứu xây dựng và áp dụng quy trình sản xuất rau an toàn. Các quy trình sản xuất an toàn cho 5 loại rau ăn lá, ăn quả, ăn củ chủ lực của Đà Lạt do Trung tâm nghiên cứu xây dựng đã được



Giống khoai tây TK96.1



Sản xuất khoai tây Atlantic tại Lâm Đồng

chuyên giao trên diện rộng; sau đó phối hợp với Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Lâm Đồng và một số cơ quan, đơn vị khác trong tỉnh cải tiến, hoàn thiện. Các quy trình này đã được Bộ NN&PTNT công nhận chính thức là tiến bộ kỹ thuật và được UBND tỉnh Lâm Đồng quy định là quy trình áp dụng thống nhất cho sản xuất rau an toàn của Đà Lạt.

Ngoài ra, Trung tâm cũng đã chọn lọc thành công và đưa vào sản xuất các giống đậu cô-ve TK1837, TK1847, V8, các giống bí Nhật, bí ngòi, tiểu hồi hương và một số giống rau cải, làm đa dạng thêm các loại rau đặc thù, có giá trị của Đà Lạt. Giống đậu Hà Lan CPX-58 và EG623 đã được chuyên giao sản xuất và được Bộ NN&PTNT công nhận cho sản xuất thử. Giống đậu tây Langbiang 2 với năng suất cao, phẩm chất tốt được chuyên giao vào sản xuất trong 3 năm trở lại đây đem lại hiệu quả cao cho sản xuất đậu tây của tỉnh. Ngoài ra, Trung tâm đã lai tạo và chọn lọc thành công 2 giống cà chua SE0913 và SE0919.

Nghiên cứu phát triển sản xuất hoa

Nhiệm vụ nghiên cứu phát triển sản xuất hoa chính thức được Bộ NN&PTNT giao từ năm 2002 nhằm phục vụ cho định hướng phát triển sản xuất rau, hoa, quả và xu thế phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Từ đó đến nay, Trung tâm đã có những thành tựu đáng kể về giống hoa. Các giống hoa cúc C41 và C43, cẩm chương Ever Green và Ni-va được nhập nội khảo nghiệm, tuyển chọn và được Bộ NN&PTNT công nhận để chuyên giao vào sản xuất là những thành công bước đầu của

chương trình nghiên cứu hoa của Trung tâm trong giai đoạn này.

Vấn đề định hướng lai tạo và chọn lọc giống hoa mang bản quyền Việt Nam phục vụ cho nhu cầu nội tiêu và xuất khẩu là mục tiêu hàng đầu của Trung tâm. Các giống hoa cúc C05.1, C05.3 và đồng tiền G07.4, G07.6 do Trung tâm lai tạo, chọn lọc và được Hội đồng KH&CN của Bộ NN&PTNT công nhận năm 2008 là những thành quả bước đầu của chương trình chọn tạo giống hoa mang bản quyền Việt Nam của Trung tâm.

Trong năm 2010, Trung tâm đã lai tạo và chuyên giao thành công thêm 2 giống đồng tiền G05.67, G05.82, 3 giống cẩm chương D06.1, D06.9, D06.10 và 3 giống hoa cúc C07.7, C07.16, C07.24. Ngoài ra, hiện nay Trung tâm đang có hàng chục dòng hoa cúc, cẩm chương, đồng tiền, lay-on, hồng có triển vọng đưa vào sản xuất. Ngoài những nghiên cứu về lai tạo và chọn lọc giống hoa mang bản quyền Việt Nam, Trung tâm đã nghiên cứu, hoàn thiện và áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến có một số yếu tố công nghệ cao; nghiên cứu chế tạo một số hóa chất xử lý sau thu hoạch cho các loại hoa cắt cành chủ lực làm cơ sở định hướng phát triển cho ngành hàng hoa cắt cành hướng tới xuất khẩu của nước ta.

Định hướng nghiên cứu trong giai đoạn tới

Với chủ trương phát triển nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Trung tâm đã đưa nhanh các tiến bộ KH&CN mới vào sản



Giống đồng tiền G05.76



Giống đồng tiền G04.6



Giống đồng tiền G05.82



Giống cúc C07.7



Giống cúc C07.16



Giống cúc C07.24

xuất, đặc biệt là các giống mới, sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, tập trung thâm canh, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Điều này cho thấy công tác chọn tạo giống mới, áp dụng quy trình công nghệ tiên tiến cho sản xuất là đặc biệt quan trọng cho quá trình thúc đẩy phát triển nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng. Để đẩy mạnh công tác nghiên cứu KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn hiện nay, Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa tiếp tục tập trung nghiên cứu và phát triển công nghệ thuộc lĩnh vực rau, hoa cụ thể như sau:

- Về cây khoai tây: tập trung nghiên cứu chọn tạo giống mới phục vụ chế biến công nghiệp để đáp ứng nhu cầu sản xuất khoai tây hiện nay. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất củ giống G0, G1 sạch bệnh phục vụ cho công tác sản xuất giống.

- Về cây cà chua: tập trung nghiên cứu chọn tạo giống phục vụ sản xuất trong nhà và ngoài đồng với chất lượng cao, kháng sâu bệnh hại tốt. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất cà chua theo hướng công nghệ cao nhằm đạt năng suất và chất lượng cao nhất.

- Về cây dâu tây: tập trung nghiên cứu chọn tạo giống phục vụ sản xuất trong nhà và ngoài đồng với chất lượng cao, kháng sâu bệnh hại tốt; Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật, phòng trừ dịch hại trên cây dâu tây đáp ứng nhu cầu sản xuất dâu tây hiện nay của địa phương.

- Về cây hoa: tập trung nghiên cứu chọn tạo giống hoa cúc, đồng tiền, cẩm chương, lay-ơn, hồng, lan mang bản quyền Việt Nam phục vụ sản xuất nội tiêu và xuất khẩu. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và áp dụng quy trình sản xuất, xử lý sau thu hoạch mang tính công nghệ cao cho các loại hoa cắt cành chủ lực làm cơ sở định hướng phát triển ngành hàng hoa cắt cành hướng tới xuất khẩu của nước ta. ■

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

ĐOÀN HỮU NGẠN

Trưởng phòng Quản lý KH&CN cơ sở

Trong năm qua, hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) cơ sở trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã có những chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào phục vụ sản xuất của địa phương, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, nâng cao mức thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Các cấp cơ sở đã triển khai 19 đề tài/dự án, xây dựng mới và duy trì hoạt động của các điểm thông tin KH&CN cấp xã; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động KH&CN cấp huyện,... Nhiều dự án sau nghiệm thu đã được nhân rộng khá hiệu quả: Dự án Xây dựng mô hình nuôi nhông cát tại huyện Đạ Tẻh, dự án Xây dựng và phát triển mô hình nuôi heo rừng tại huyện Cát Tiên, dự án Hoàn thiện và chuyển giao quy trình sản xuất meo giống nấm tại Đà Lạt,... Nhìn chung các dự án, mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đã góp phần tạo công ăn việc làm, cải thiện đời sống cho một bộ phận dân cư, nâng cao nhận thức về áp dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất; cung cấp cho thị trường một nguồn thực phẩm đáng kể, khai thác lợi thế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đồng thời góp phần xóa đói giảm nghèo tại địa phương.

Một trong những hoạt động góp phần đưa nhanh KH&CN về cơ sở là hoạt động của điểm thông tin cấp xã. Hiện nay toàn tỉnh đã có 86 điểm thông tin KH&CN, phục vụ hơn 8.000 lượt người đến khai thác, tìm hiểu thông tin trong cơ sở dữ liệu KH&CN do Sở KH&CN cung cấp với những nội dung chủ yếu về kỹ thuật trồng, chăm sóc các loại cây cà phê, điều, rau các loại; kỹ thuật chăn nuôi nhím, chồn hương, kỳ đà,...

Để phục vụ cho công tác quản lý KH&CN tại cơ sở, hoạt động kiểm tra cũng đã được phòng kinh tế và hạ tầng các huyện/thành

phổ thường xuyên phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện. Thông qua việc kiểm tra chất lượng hàng hóa, xăng dầu, nhãn mác hàng hóa đang lưu thông trên địa bàn, kiểm tra an toàn bức xạ hạt nhân các cơ sở y tế có sử dụng X-quang và các đợt thanh tra chuyên đề khác đã góp phần nâng cao ý thức của người sản xuất, kinh doanh đồng thời bảo vệ được quyền lợi của người tiêu dùng.

Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong năm 2011, hoạt động KH&CN cơ sở trong thời gian tới cần tập trung vào những nhiệm vụ chính như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống tại cơ sở thông qua tổ chức triển khai thực hiện các đề tài/dự án đã được đăng ký; Triển khai thực hiện đề tài/dự án cấp cơ sở tại các ngành y tế, giáo dục, nông nghiệp,... đồng thời ứng dụng và nhân rộng kết quả các đề tài đã được nghiệm thu trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến thông tin KH&CN về nông thôn qua việc duy trì hoạt động của mạng lưới điểm thông tin KH&CN cấp xã đồng thời tiếp tục xây dựng mới các điểm thông tin tại những địa phương thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Ngoài ra, cần có hình thức phối hợp hiệu quả với hệ thống khuyến nông cơ sở để nắm bắt thông tin sản xuất nông nghiệp, từ đó có những tuyên truyền, phổ biến kịp thời cho người dân.

- Phối hợp với Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng triển khai các hoạt động quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên từng địa bàn. Chú trọng việc quản lý chất lượng hàng hóa, nhất là hàng hóa đóng gói sẵn, hạn chế và tiến tới không để xảy ra tình trạng hàng không đảm bảo chất lượng lưu thông trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Trường quản lý KH&CN của Bộ KH&CN tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về kế toán - tài chính KH&CN, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng,

quản lý nhà nước KH&CN cấp huyện,... để nâng cao năng lực quản lý KH&CN cấp cơ sở, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương. ■

MÔ HÌNH NUÔI GÀ H'MÔNG TẠI THỊ TRẤN LẠC DƯƠNG

Năm 2011, bằng nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh Lâm Đồng. Hội đồng khoa học huyện Lạc Dương đã giao cho Trung tâm nông nghiệp huyện Lạc Dương chủ trì thực hiện dự án "Xây dựng mô hình nuôi gà H'Mông tại thị trấn huyện Lạc Dương".

Kinh phí của dự án được hỗ trợ từ nguồn ngân sách KH&CN với số tiền 50 triệu đồng, chủ yếu dùng để mua giống; phần kinh phí đối ứng của doanh nghiệp để xây dựng cơ sở vật chất chuồng trại.

Qua kiểm tra tiến độ thực hiện dự án cho thấy, trong 5 tháng gà thịt đạt trọng lượng bình quân 1,2 kg/con, gà mái đã cho trứng.

Gà H'Mông là giống gà xương đen, thịt đen, da đen nhưng không phải là gà ác. Có nguồn gốc ở miền núi phía bắc (Lào Cai, Hà Giang, Bắc Cạn, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu và Nghệ An) được đồng bào dân tộc H'Mông nuôi quảng canh. Không giống như những giống gà khác, gà H'Mông có lượng mỡ rất ít, thịt dai chắc, thơm ngọt, xương - thịt có thể dùng để chữa bệnh, nấu cao bổ dưỡng sức khỏe.

Sau khi dự án nghiệm thu, sẽ được nhân rộng cho nhiều cơ sở chăn nuôi cung cấp giống ra thị trường và cung cấp thịt cho các nhà hàng khách sạn trong và ngoài tỉnh.



HOẠT ĐỘNG THANH TRA PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC...

(Tiếp theo trang 27)

thức được trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc tuân thủ pháp luật, đồng thời cũng góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước về KH&CN trên địa bàn. Tuy nhiên để hoạt động thanh tra có hiệu lực và hiệu quả cao hơn nữa, Thanh tra Sở có một số đề xuất, kiến nghị như sau:

- Đề nghị Thanh tra Bộ KH&CN tham mưu cho Bộ ban hành thông tư hướng dẫn về việc trích tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực KH&CN.

- Đề nghị Bộ KH&CN tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 54/2009/NĐ-CP ngày 05/6/2009 của Chính phủ "Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hoá" vì các chế tài xử lý trong nghị định này hiện nay không đầy đủ và các mức xử phạt còn quá nhẹ nên hiệu quả không cao.

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cho UBND các huyện, thành phố Bảo Lộc và Đà Lạt cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng,

trong đó chú trọng tới công tác tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho các đối tượng sản xuất kinh doanh trên địa bàn quản lý của mình và thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Trên cơ sở hướng dẫn của Thanh tra chuyên ngành và xuất phát từ tình hình thực tế tại địa phương, trong năm 2012, Thanh tra Sở KH&CN sẽ tập trung vào một số hoạt động chính như sau:

- Tổ chức thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với khoảng 160 cơ sở.

- Thực hiện thanh tra chuyên đề theo sự chỉ đạo của Bộ KH&CN.

- Phối hợp với Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và các phòng chức năng của Sở kiểm tra các cơ sở trong việc chấp hành quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân,... ■

ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG TẠI TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

THẠC SĨ VÕ KHIÊM

Giám đốc Trung tâm Ứng dụng KH&CN Lâm Đồng

Thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP của Chính phủ *Quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập*, ngày 25/3/2011, UBND tỉnh Lâm Đồng đã phê duyệt đề án *Đổi mới tổ chức và hoạt động Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng* nhằm xây dựng trung tâm vững mạnh, đủ năng lực thực hiện các hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN), ứng dụng và chuyển giao các thành tựu KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, làm cầu nối KH&CN với sản xuất, đời sống.

Phương hướng và mục tiêu

- Tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao tính sáng tạo của tổ chức KH&CN. Tạo điều kiện gắn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với sản xuất, đời sống. Đẩy nhanh quá trình xã hội hóa hoạt động KH&CN, hình thành thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực để thực hiện các hoạt động sự nghiệp phục vụ quản lý nhà nước về KH&CN. Đẩy mạnh việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại địa phương theo Chỉ thị số 50-CT/TW và Quyết định số 188/2005/QĐ-TTg. Thực hiện các chương trình hỗ trợ và chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015; Chương trình phát triển, ứng dụng bức xạ và kỹ thuật hạt nhân trong nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2020,...

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực đủ sức làm đầu mối tổ chức nghiên cứu, ứng dụng,

chuyên giao tiến bộ KH&CN vào lĩnh vực sản xuất, đời sống và thực hiện các dịch vụ công ích phục vụ mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Phát triển các hoạt động chuyên môn, sản xuất, dịch vụ

Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên

- Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử KH&CN; xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) của địa phương; phát triển và ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng phục vụ sản xuất.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi cấy lưu giữ nguồn gen của địa phương, nhân nhanh các giống cây trồng, nấm ăn, nấm dược liệu, chủng vi sinh vật có giá trị kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực KH&CN cho các ngành, địa phương.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

Chủ trì, hoặc tham gia thực hiện những đề tài, dự án KH&CN các cấp, tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ thông tin, tự động hóa,...

- Chọn lựa các thành tựu KH&CN, quy trình, công nghệ mới, tổ chức sản xuất thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ phù hợp với tình hình của địa phương để chuyển giao, nhân rộng cho các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là hộ nông dân có nhu cầu;

- Triển khai các mô hình sản xuất, trình

diễn kỹ thuật, huấn luyện, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho nông dân ứng dụng hiệu quả vào đời sống, sản xuất.

Mở rộng các hoạt động tư vấn, dịch vụ KH&CN, sản xuất, kinh doanh

- Tư vấn cho các đơn vị, cá nhân trong các lĩnh vực: đo lường, chất lượng, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ,...

- Lập dự án đầu tư trang thiết bị, đổi mới công nghệ, giám định công nghệ, thiết bị; báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), đo đạc, giám sát, xử lý chất thải, ô nhiễm môi trường cho các đơn vị, trang trại.

- Tổ chức hội thảo khoa học, đào tạo tin học, tập huấn chuyển giao KH&CN.

- Thiết kế, lắp ráp, sửa chữa, vận hành, bảo dưỡng dụng cụ, thiết bị đo lường, phòng thí nghiệm, xây dựng website, phần mềm ứng dụng.

- Ứng dụng công nghệ mới, năng lượng mặt trời, năng lượng gió, thủy điện nhỏ, biogaz; Kiểm toán, tiết kiệm năng lượng, tổ chức sản xuất sạch hơn cho các thành phần kinh tế.

- Phân tích, kiểm tra sâu, bệnh, dịch hại và chất lượng cây giống.

- Sản xuất các loại giống cây trồng (rau, hoa, cây ăn quả, cây dược liệu, cây lâm nghiệp,...) sạch bệnh bằng kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật.

- Sản xuất các giống nấm ăn, nấm dược liệu, các loại men vi sinh, chế phẩm sinh học, phân bón vi sinh, giá thể, đất sạch và một số sản phẩm khác phục vụ sản xuất.

Các giải pháp thực hiện

Kiện toàn về tổ chức và tăng cường cơ sở vật chất, tiềm lực

Quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, hình thành các phòng, bộ phận chuyên môn, phát huy tối đa năng lực của người lao động tại Trung tâm, kết hợp mời chuyên gia, cán bộ kỹ thuật của các viện, trường để chủ trì, triển khai thực hiện đề tài/dự án; đào tạo đội ngũ cán

bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ, chuyển giao KH&CN.

Sắp xếp, bố trí phân công lại lao động hiện tại cho phù hợp với năng lực và yêu cầu hoạt động; hình thành bộ phận kinh doanh, dịch vụ; tổ chức lại các hoạt động sản xuất để tăng giá trị sản phẩm.

Từ nguồn vốn sự nghiệp KH&CN, vốn đầu tư phát triển, đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, trạm thực nghiệm,... đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu và thực hiện các hoạt động sự nghiệp KH&CN tại địa phương.

Phát triển các hoạt động sản xuất, dịch vụ và chuyển giao



Tập trung vào những nhiệm vụ, lĩnh vực mà trung tâm có thế mạnh, lợi thế cạnh tranh; Đào tạo, tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, thực hiện các đề tài, dự án sản xuất, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng vào sản xuất, đời sống, xây dựng các mô hình ứng dụng tiên bộ kỹ thuật cho vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Xây dựng các trạm thực nghiệm, vườn ươm để mở rộng sản xuất cây giống sạch bệnh, giống nấm, chế phẩm sinh học, phân bón, gia công các linh kiện, thiết bị, vật liệu mới...,

Mở rộng các hình thức hợp tác, kinh doanh, tiếp thị, tìm kiếm thị trường nhằm tăng nguồn thu, bảo đảm các chi phí sản xuất, tiền lương, tiền công, tăng thu nhập cho lao động, từng bước tự chủ, tự trang trải trong các hoạt động sản xuất, dịch vụ. ■

HOẠT ĐỘNG THANH TRA PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2011

LÊ ĐỨC THỌ

Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ

Mục đích hoạt động thanh tra về khoa học và công nghệ (KH&CN) là nhằm phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật về KH&CN để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục; phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Để thực hiện tốt mục đích trên, Thanh tra Sở KH&CN Lâm Đồng đã chủ động, tích cực trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt mọi hoạt động thanh tra năm 2011 và đã thu được các kết quả đáng khích lệ như sau:

- Tổ chức 06 cuộc thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn đo lường chất lượng với 160 cơ sở, qua thanh tra đã hướng dẫn các cơ sở trong việc chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, đồng thời đã phát hiện và xử phạt 22 trường hợp vi phạm với tổng số tiền là 34.800.000 đồng.

- Thanh tra việc chấp hành các quy định của Pháp luật quản lý nhà nước về KH&CN đối với UBND cấp huyện tại 03 huyện (Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên). Qua thanh tra đã hướng dẫn và nhắc các đơn vị chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về quản lý KHCN trên địa bàn.

- Thanh tra 03 đề tài dự án cấp tỉnh: Nghiên cứu xây dựng bản đồ dịch tễ lở mòn long móng trên đàn gia súc tỉnh Lâm Đồng, đề xuất nội dung, giải pháp phòng chống và đảm bảo an toàn cho đàn gia súc; Đánh giá thực trạng bệnh cao huyết áp ở người trưởng thành từ 25-64 tuổi tại tỉnh Lâm Đồng năm 2010 và đề xuất giải pháp phòng tránh; Nghiên cứu phục tráng và phát triển giống chuối đặc sản

Laba tỉnh Lâm Đồng. Qua thanh tra cho thấy các đề tài, dự án đã thực hiện đúng yêu cầu và nội dung, tuy nhiên thời gian thực hiện đều chậm tiến độ so với đề cương được phê duyệt.

- Thanh tra việc thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng đối với 04 tổ chức thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở KH&CN. Qua thanh tra cho thấy, về cơ bản các đơn vị đã chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng tại đơn vị mình, tuy nhiên cũng còn một số tồn tại cần khắc phục là: Chưa ban hành được quy tắc ứng xử của CBCCVN; một số trường hợp mới bổ nhiệm chưa hướng dẫn kê khai tài sản theo quy định,... Thanh tra hành chính đối với 01 đơn vị trực thuộc Sở (Trung tâm Ứng dụng KH&CN Lâm Đồng), nhận thấy về cơ bản đơn vị đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ được giao, tuy nhiên cũng còn một số thiếu sót cần phải khắc phục trong thời gian tới.

- Phối hợp với Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và các phòng chức năng của Sở tiến hành kiểm tra 173 cơ sở về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa, an toàn bức xạ hạt nhân, quản lý về KH&CN. Qua kiểm tra đã hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng các quy định trong từng lĩnh vực quản lý, đồng thời đã xử lý các trường hợp vi phạm (xử phạt 21 trường hợp vi phạm với tổng số tiền là 66.100.000 đồng).

Như vậy trong năm 2011, Thanh tra Sở đã thực hiện tốt công tác thanh, kiểm tra theo kế hoạch đề ra. Hoạt động thanh tra đã bám sát nhiệm vụ và chức năng quản lý nhà nước, tổ chức và thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại. Qua các cuộc thanh tra đã góp phần giúp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh hiểu rõ hơn các quy định của nhà nước trong lĩnh vực KH&CN, ý

(Xem tiếp trang 24)

DANH MỤC ĐỀ TÀI/DỰ ÁN ĐÃ NGHIỆM THU VÀ ĐƯỢC CHUYỂN GIAO, SỬ DỤNG NĂM 2011

STT	Tên đề tài, dự án	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Kết quả đánh giá	Cơ quan nhận chuyển giao, áp dụng
1	Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí đánh giá và đề xuất bảo tồn di sản kiến trúc đô thị thành phố Đà Lạt	Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng	Khá	Sở Xây dựng Hội Kiến trúc sư tỉnh Sở Văn hóa Thể thao Du lịch UBND thành phố Đà Lạt
2	Điều tra, đánh giá hiệu quả các đề tài, dự án khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 1996-2005.	Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh Lâm Đồng	Khá	UBND tỉnh Ban Tuyên giáo
3	Thực nghiệm các giải pháp phòng chống cháy rừng trên địa bàn Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà	Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà	Khá	Sở NN&PTNT Lâm Đồng Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà Chi cục kiểm lâm Chi cục Lâm nghiệp
4	Đánh giá hiệu quả các cơ chế chính sách đối với công tác giao đất, cho thuê đất và giao khoán quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Viện Nghiên cứu và Phát triển Lâm nghiệp Nhiệt đới	Khá	Sở Nông nghiệp và PTNT Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà Chi cục Kiểm lâm Chi cục Lâm nghiệp
5	Nghiên cứu thực trạng ô nhiễm môi trường đất nông nghiệp vùng chuyên canh rau hoa tỉnh Lâm Đồng (Đà Lạt, Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng) và đề xuất các giải pháp xử lý, khắc phục	Trung tâm Nghiên cứu Đất, Phân bón và Môi trường Phía Nam	Khá	Sở Nông nghiệp và PTNT Trung tâm Khuyến nông Trung tâm Nông nghiệp Đà Lạt Trung tâm Nông nghiệp Đơn Dương Trung tâm Nông nghiệp Đức Trọng Trung tâm Nông nghiệp Lạc Dương
6	Xây dựng bản đồ quản lý nước ngầm tỷ lệ 1:25.000 vùng trọng điểm kinh tế huyện Lạc Dương và tổng hợp bổ sung, xây dựng bản đồ quản lý nước ngầm toàn tỉnh Lâm Đồng	Đoàn Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên 707	Khá	Sở Tài nguyên và Môi trường UBND huyện/thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc, Lạc Dương, Đức Trọng, Đơn Dương, Di Linh, Cát Tiên, Bảo Lâm
7	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng sử dụng một số dạng lâm sản ngoài gỗ tỉnh Lâm Đồng; đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý và phát triển bền vững	Trung tâm Nghiên cứu Lâm Sinh		Sở Nông nghiệp và PTNT Chi cục Kiểm lâm Chi cục Lâm nghiệp
8	Nâng cao chất lượng hợp tác kinh tế giữa Lâm Đồng với TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn đến năm 2020	Học viện Chính trị Hành Chính khu vực II	Khá	UBND tỉnh Sở Kế hoạch và Đầu tư Sở Tài nguyên và Môi trường Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Xây dựng mô hình ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ nâng cao chất lượng mật ong, phấn hoa và sữa ong chúa ở Lâm Đồng	Trường Đại học Nông lâm Tp. Hồ Chí Minh		
10	Điều tra, đánh giá nguồn tài nguyên dược liệu tỉnh Lâm Đồng và định hướng phát triển một số loài đặc hữu có giá trị kinh tế cao	Trung tâm Sâm - Dược liệu Tp. Hồ Chí Minh	Khá	Sở Y tế Viện Sinh học Tây Nguyên Đại học Đà Lạt Hội Dược liệu Lâm Đồng Trung tâm NC Trồng và chế biến cây thuốc Đà Lạt
11	Điều tra, khảo sát các loài cây cho chất nhuộm ở Lâm Đồng và khả năng ứng dụng của nó trong ngành nhuộm dệt vải thổ cẩm của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa	Trường Đại học Đà Lạt	Khá	Sở Công thương Sở Văn hóa Thể thao Du lịch Ban Dân tộc Chi cục Phát triển nông thôn Đại học Đà Lạt

12	Nghiên cứu khảo sát, đánh giá hiện trạng cơ giới hóa, điện khí hóa trong nông nghiệp nông thôn tỉnh Lâm Đồng; đề xuất nội dung và giải pháp phát triển nhằm phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng	Khá	UBND tỉnh Sở Công thương Sở Nông nghiệp và PTNT
13	Nghiên cứu đặc điểm khí hậu thủy văn tỉnh Lâm Đồng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn tỉnh Lâm Đồng	Khá	Sở Tài nguyên và Môi trường Sở Nông nghiệp và PTNT Chi cục Thủy lợi
14	Nghiên cứu phân lập, tuyển chọn và sử dụng một số chủng vi sinh vật có khả năng phân hủy tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong đất trồng tại các vùng chuyên canh rau ở Lâm Đồng	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp duyên hải Nam Trung bộ	Khá	Sở Nông nghiệp và PTNT Trung tâm nông nghiệp Đà Lạt Trung tâm nông nghiệp Đơn Dương Trung tâm nông nghiệp Đức Trọng Ban Quản lý Dự án cạnh tranh nông nghiệp
15	Nghiên cứu, xây dựng bản đồ dịch tễ về bệnh lở mồm long móng trên đàn gia súc tỉnh Lâm Đồng. Đề xuất nội dung, giải pháp phòng chống bệnh, đảm bảo an toàn cho đàn gia súc	Chi cục Thú y tỉnh Lâm Đồng	Tốt	Sở Nông nghiệp và PTNT Chi cục Thú y
16	Nghiên cứu áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học công nghệ để đẩy mạnh ngành chăn nuôi bò theo hướng tăng năng suất, chất lượng và an toàn dịch bệnh trên địa bàn huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên	Tốt	Sở Nông nghiệp và PTNT UBND huyện Đức Trọng Hội Nông dân
17	Nghiên cứu xây dựng mô hình mẫu về phát triển nông thôn mới dựa vào cộng đồng tại một xã vùng đồng bào dân tộc bản địa Lâm Đồng	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên	Tốt	UBND tỉnh Sở Nông nghiệp và PTNT Ban Dân tộc Chi cục Phát triển nông thôn
18	Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất hoa thương phẩm trong vùng đồng bào dân tộc huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng	Phòng NN&PTNT huyện Đức Trọng	Khá	Sở Nông nghiệp và PTNT Ban Dân tộc UBND Đức Trọng Trung tâm Khuyến nông Hội Nông dân
19	Đánh giá hiệu quả các cơ chế chính sách đối với công tác giao đất, cho thuê đất và giao khoán quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Viện nghiên cứu và phát triển lâm nghiệp nhiệt đới	Khá	Sở NN&PTNT Chi cục kiểm lâm Vườn Quốc gia Biduop Núi Bà Chi cục lâm nghiệp
20	Nghiên cứu công nghệ xử lý, bảo quản và đóng gói thích hợp cho một số loại hoa cắt cành tại Đà Lạt phục vụ nội tiêu và xuất khẩu	Phân Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	Khá	Sở Nông nghiệp và PTNT Trung tâm Khuyến nông Trung tâm Nông nghiệp Đà Lạt
21	Đánh giá thực trạng bệnh cao huyết áp ở người trưởng thành từ 25-64 tuổi tại tỉnh Lâm Đồng năm 2010 và đề xuất giải pháp phòng tránh	Trung tâm Y tế huyện Đơn Dương	Khá	Sở y tế Trung tâm y tế dự phòng
22	Nghiên cứu phục tráng và phát triển giống chuối đặc sản Laba tỉnh Lâm Đồng	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Đức Trọng	Khá	Sở NN&PTNT Hội nông dân tỉnh Lâm Đồng UBND huyện Lâm Hà UBND huyện Đức Trọng
23	Xây dựng mô hình sản xuất chè an toàn tại huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng	Công ty cổ phần chè Minh Rồng	Tốt	Sở NN&PTNT Lâm Đồng UBND huyện Bảo Lâm UBND TP Bảo Lộc Công ty cổ phần chè Minh Rồng
24	Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển cây ca cao trồng xen trong vườn điều tại 3 huyện Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng	Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng		

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2012

(Theo Quyết định 1616/QĐ-UBND ngày 28/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

TT	Tên đề tài	Mục tiêu
1	Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng biện pháp sinh học trong bảo vệ thực vật để có thể thay thế ít nhất 50% thuốc hóa học độc hại, đồng thời giúp nông dân tuân thủ đầy đủ các quy định để sản xuất rau thương phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP. - Xây dựng quy trình ứng dụng công nghệ sinh học trong BVTV để phòng trừ hiệu quả dịch hại và đáp ứng yêu cầu sản xuất rau an toàn theo VietGAP. - Sản xuất thử nghiệm một loại chế phẩm sinh học về BVTV. - Đề xuất giải pháp bảo vệ và lợi dụng hiệu quả thiên địch nhằm quản lý bền vững các đối tượng sâu hại trong sản xuất rau an toàn trong tỉnh.
2	Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao hiệu quả kinh tế hộ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số xã Đưng K'Nơh, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển giao kỹ thuật thâm canh cây cà phê, ủ phân vi sinh từ vỏ cà phê theo hướng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi gà thả vườn cho các hộ tham gia mô hình sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, tăng thu nhập cho người dân. - Đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ, kinh nghiệm để tiếp nhận và nhân rộng các tiến bộ khoa học công nghệ.
3	Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí công nhận vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tiêu chí, giải pháp cụ thể nhằm giúp thành phố Đà Lạt nhanh chóng triển khai các thủ tục để đề nghị được công nhận là vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.
4	Nghiên cứu nuôi cấy nấm đông trùng hạ thảo tại Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu chọn lọc các chủng nấm tạo đông trùng hạ thảo và các vật ký sinh phù hợp. Xây dựng quy trình tạo đông trùng hạ thảo trong điều kiện khí hậu tại Lâm Đồng.
5	Nghiên cứu sản xuất thức ăn cho cá nước lạnh ở Lâm Đồng từ nguồn nguyên liệu trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất thức ăn công nghiệp cho cá nước lạnh ở Lâm Đồng (cá hồi và cá tầm) bằng nguồn nguyên liệu trong nước đảm bảo chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản phẩm so với nhập từ nước ngoài.
6	Nghiên cứu giải pháp tổng hợp về trồng trọt và quản lý dịch hại trong canh tác dâu tây theo hướng công nghệ cao tại Đà Lạt	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong việc chăm sóc và quản lý sâu bệnh hại trên cây dâu tây tại Đà Lạt theo hướng nông nghiệp công nghệ cao. - Xây dựng các mô hình trồng dâu tây theo hướng công nghệ cao cho năng suất cao và phẩm chất tốt. - Xây dựng các mô hình điểm để nhân rộng, phổ biến cho nông dân.
7	Ứng dụng kỹ thuật RT-PCR để phát hiện sớm một số bệnh nguy hiểm trên gia súc nhằm nâng cao chất lượng đàn giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật của công nghệ gene để phát hiện sớm các bệnh cho gia súc, nhằm kịp thời phòng chống dịch bệnh, giảm thiệt hại kinh tế cho ngành chăn nuôi. - Phát hiện sớm virus gây bệnh lở mồm long móng và heo tai xanh bằng kỹ thuật RT-PCR. - Đào tạo, chuyển giao kỹ thuật sinh học phân tử cho cán bộ thú y của tỉnh.
8	Điều tra, sưu tập và nhân giống các loài Trà mi (Camellia) ở Lâm Đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng cơ sở dữ liệu về các loài Trà mi, tạo tiền đề cho việc bảo tồn, ứng dụng và phát triển tài nguyên cây họ Trà ở Lâm Đồng. - Tuyển chọn, nhân giống các loài triển vọng phục vụ cho việc phát triển cây đường phố, cây cảnh quan có nguồn gốc bản địa.

9	Vai trò của ánh sáng đơn sắc trong nghiên cứu chất lượng cây sâm Ngọc Linh (<i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv) nuôi cấy <i>in vitro</i> và bước đầu trồng thử nghiệm tại Lâm Đồng	- Tìm ra tỷ lệ phối trộn các loại ánh sáng đơn sắc phù hợp với sự sinh trưởng và phát triển cây Sâm Ngọc Linh. So sánh khả năng sống sót của cây con <i>ex vitro</i> có nguồn gốc <i>in vitro</i> nuôi cấy dưới hệ thống chiếu sáng đơn sắc với cây có nguồn gốc <i>in vitro</i> nuôi cấy dưới hệ thống đèn huỳnh quang. Bước đầu đánh giá khả năng thích nghi của cây Sâm Ngọc Linh <i>in vitro</i> tại một số khu vực của Lâm Đồng có đủ điều kiện tương đồng như các tỉnh Kon Tum và Quảng Nam.
10	Nghiên cứu công nghệ và thiết bị sấy atiso phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu	Nghiên cứu công nghệ và thiết bị sấy atiso phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, bao gồm mô hình máy sấy atiso năng suất 20 kg/m ² , quy trình công nghệ sấy các bộ phận của cây atiso và máy sấy atiso quy mô năng suất 500 kg/m ² .
11	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	- Đánh giá tình hình, năng lực áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Đề xuất phương hướng, giải pháp thúc đẩy quá trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại doanh nghiệp. - Xây dựng chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp tiếp cận áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy phù hợp nhu cầu thực tế. - Đề xuất giải pháp đẩy mạnh việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong doanh nghiệp.
12	Xây dựng bản đồ ngập lụt và hệ thống tháp và hệ thống tháp cánh báo lũ huyện Đạ Tẻh, hiệu chỉnh bản đồ ngập lụt huyện Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng	- Điều tra, đo đạc, tính toán tài liệu khí tượng thủy văn, đặc trưng quy trình vận hành các hồ, đập thủ điện trên hệ thống sông Đong Nai; thu thập tài liệu địa hình, dân cư, cơ sở hạ tầng trên địa bàn khu vực để xây dựng hệ thống cánh báo lũ ở các vùng ngập xung yếu của huyện Đạ Tẻh. - Xác định cao độ theo hệ thống cao độ mới và vùng ngập lụt ứng với các cấp lũ có khả năng xảy ra trên địa bàn, xây dựng bản đồ ngập lụt của vùng Đạ Tẻh, hiệu chỉnh bản đồ ngập lụt của Cát Tiên.
13	Điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng nguồn nước khoáng carbonic Gougah – Đức Trọng và đề xuất giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý	- Điều tra, xác định khả năng phân bố, đánh giá trữ lượng, chất lượng nước khoáng và đề ra giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý.
14	Nghiên cứu phát triển du lịch nông thôn tại tỉnh Lâm Đồng	- Đánh giá tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch nông thôn của tỉnh Lâm Đồng. - Đề xuất giải pháp phát triển du lịch tại tỉnh Lâm Đồng gắn với các sản phẩm hoạt động du lịch hiện có. - Xây dựng một số mô hình du lịch nông thôn tỉnh Lâm Đồng.
15	Nghiên cứu nâng cao hiệu quả đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức cơ sở trong việc thực thi pháp luật ở tỉnh Lâm Đồng	- Đánh giá năng lực thực thi pháp luật của cán bộ công chức cơ sở. - Đánh giá thực trạng việc đào tạo bồi dưỡng CBCC cơ sở trong việc thực thi pháp luật. - Xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ này nhằm đáp ứng tốt việc thực thi pháp luật đến năm 2020 ở Lâm Đồng. - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả bồi dưỡng CBCC cơ sở trong việc thực thi pháp luật.
16	Nghiên cứu hoạt động tham vấn tâm lý học đường trong các trường trung học ở tỉnh Lâm Đồng	- Đánh giá thực trạng và nhu cầu tham vấn tâm lý học đường ở các trường trung học trong tỉnh. - Đề xuất giải pháp xây dựng và phát triển tham vấn học đường. - Xây dựng mô hình tham vấn học đường.
17	Đạo Tin Lành và việc ổn định phát triển trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng	- Tổng quát tình hình hoạt động của Đạo Tin Lành trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng. - Xác định mối quan hệ giữa hoạt động của Đạo Tin Lành và việc ổn định phát triển trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng.

* Đầu tháng 12/2011, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức các hội đồng nghiệm thu đề tài:

- *Khảo sát, đánh giá tài nguyên đất ngập nước tỉnh Lâm Đồng* do Viện Địa lý Tài nguyên TP. Hồ Chí Minh chủ trì thực hiện trong 2 năm (2009-2011). Với mục tiêu đánh giá hiện trạng và phân loại đất ngập nước và đề xuất những giải pháp quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững đất ngập nước, sau 2 năm triển khai thực hiện, đề tài đã tập hợp được các số liệu chất lượng nước, số liệu khí tượng thủy văn, bản đồ thảm thực vật và đa dạng sinh học, bản đồ hiện trạng sử dụng đất... và đánh giá thực trạng sử dụng tài nguyên đất ngập nước, đặc điểm của đất ngập nước, đặc điểm địa mạo của đất ngập nước, đánh giá định tính chức năng các đơn vị đất ngập nước, xây dựng bản đồ đất ngập nước tỷ lệ 1/100.000 và đề xuất các giải pháp để khôi phục, bảo tồn và phát triển đất ngập nước. Đề tài được hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt loại Khá.

- *Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất lúa giống tại các vùng trọng điểm lúa của tỉnh* do Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lâm Đồng chủ trì thực hiện (năm 2009)

Nhằm giúp cho người nông dân tự chủ được nguồn giống trong quá trình sản xuất và từng bước nâng cao nhận thức của nông dân trong tiếp cận những tiến bộ khoa học kỹ thuật. Sau 2 năm triển khai, dự án đã tiến hành điều tra, đánh giá thực trạng sản xuất lúa của vùng dự án, thành lập 2 tổ hợp tác tại Phù Mỹ với 10 hộ tham gia và thị trấn Đạ Tẻh

với 11 hộ tham gia; tập huấn và đào tạo cho 5 kỹ thuật viên, 80 người dân trên 2 huyện; tổ chức 04 cuộc hội thảo đầu bờ với 200 người tham dự, xây dựng mô hình trình diễn sản xuất lúa giống để huấn luyện cho nông dân trong vụ Hè Thu 2009, xây dựng mô hình sản xuất lúa giống vụ Đông Xuân 2009-2010 và Hè Thu 2010 tại Cát Tiên và Đạ Tẻh. Kết quả đạt được từ các mô hình này góp phần nâng cao thương hiệu gạo Cát Tiên đã được Cục Sở hữu Trí tuệ cấp chứng nhận. Dự án được hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt loại Khá.

* Ngày 30/12/2011, Cục Sở hữu trí tuệ đã trao giấy đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận "Hoa Đà Lạt" cho Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, mở ra nhiều cơ hội cho ngành sản xuất hoa của thành phố Đà Lạt trong thời gian tới.

Để được cấp chứng nhận nhãn hiệu, cá nhân, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện về quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm: hoa phải được trồng tại thành phố Đà Lạt hoặc các vùng phụ cận (theo quy định của UBND tỉnh Lâm Đồng) và phải được UBND thành phố Đà Lạt cho phép.

Cá nhân, doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện, không được UBND thành phố Đà Lạt cho phép thì dù trồng và kinh doanh hoa tại Đà Lạt nhưng vẫn không được dùng thương hiệu **Hoa Đà Lạt**, cũng như hoa tươi vùng khác không được lấy tên tương tự để tránh gây nhầm lẫn. Nhãn hiệu và biểu trưng (logo) Hoa Đà Lạt có thể được dùng cùng với nhãn hiệu riêng của từng cá nhân, doanh nghiệp. ■

HỌP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Trong thời gian qua, Bản tin Thông tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được tin, bài của các tác giả: Thanh Hồng, Đoàn Bích Ngọc, Hoàng Việt, Phan Thành Minh, Vân Anh, Lương Sơn, Khuê Viên,...

Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Tin, bài các bạn gửi đến, chúng tôi sẽ xem xét và sắp xếp để sử dụng phù hợp với chủ đề của Bản tin vào thời gian thích hợp nhất.

Bản tin Thông tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng số 2 năm 2012 tập trung vào chủ đề **Môi trường và vấn đề biến đổi khí hậu, những giải pháp nhằm giảm bớt tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu trong tương lai**. Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các bạn.

Địa chỉ liên hệ: Phòng Thông tin và Thống kê Khoa học Công nghệ
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng - 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt
Điện thoại: 063 3833163 - Fax: 063 3824941 - Email: tapsan@dalat.gov.vn



ĐÓN CHÀO NĂM MỚI NHÂM THÌN - 2012

Tại Sở Khoa học và Công nghệ
tỉnh Lâm Đồng



Một số hình ảnh HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÝ I NĂM 2012



Hội thảo khoa học xây dựng đội ngũ trí thức tỉnh Lâm Đồng thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hóa gắn với phát triển nền kinh tế trí thức



Hội thảo khoa học "Thương hiệu hoa Đà Lạt - Các giải pháp phát triển ngành hoa Đà Lạt bền vững"

Tập huấn "Thành viên mạng lưới KHCN phục vụ nông nghiệp, nông thôn"



Hội nghị Cán bộ công chức năm 2012